

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ
BIÊN HÒA
BIEN HOA PACKAGING JOINT
STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 33 /SVI-2021

Đồng Nai, ngày 15 tháng 04 năm 2021
Dong Nai, day 15 month 04 year 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**

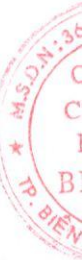
Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock
Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA/BIEN HOA
PACKAGING JOINT STOCK COMPANY
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: SVI
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh
Đồng Nai, Việt Nam/ 7 Street, Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Biên Hòa City,
Dong Nai Province, Viet Nam.
- Điện thoại/ *Telephone*: 0253.836121
- Fax: 0613.832939
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Phạm Hồng Đức/ *Pham Hong Duc*
Chức vụ/ *Position*: Giám đốc tài chính/ CFO

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Báo cáo thường niên năm 2020



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/04/2021 tại đường dẫn: www.sovi.com.vn vào mục quan hệ cổ đông

This information was disclosed on Company on date 15/04/2021 Available at: www.sovi.com.vn in Shareholder

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/
Attachment:

- Báo cáo thường niên 2020

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



PHẠM HỒNG ĐỨC/ PHAM HONG DUC
Giám đốc tài chính / CFO





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

SOVI

CÔNG TY BAO BÌ BIÊN HÒA

Giải pháp bao bì toàn diện



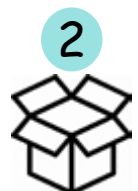
MỤC LỤC



Thông tin chung



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty



Tình hình hoạt động trong năm



Báo cáo quản trị Công ty



Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc



Báo cáo tài chính năm 2020



SỨ MỆNH

- Cung cấp giải pháp toàn diện cho khách hàng những sản phẩm bao bì giấy với chất lượng đảm bảo, giá cả hợp lý và dịch vụ tốt;
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất trong mọi hoạt động phù hợp với từng giai đoạn nhằm đưa SOVI trở thành một trong những doanh nghiệp cung cấp bao bì carton hàng đầu Việt Nam;
- Tạo môi trường và điều kiện làm việc cởi mở, thân thiện, mang lại hiệu quả cao nhằm phát huy toàn diện năng lực của mỗi CBCNV;
- Từ đó, đem lại lợi nhuận hợp lý cho Công ty và lợi tức thỏa đáng cho các cổ đông; nâng cao hơn nữa mức sống cho tất cả CBCNV đang làm việc tại Công ty; đồng thời chung tay cho sự phát triển của đất nước và xã hội.

1 THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
CƠ CẤU TỔ CHỨC
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO

TẦM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ và giải pháp bao bì giấy đáng tin cậy hàng đầu Việt Nam.



Tên công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**
Tên Tiếng Anh **BIEN HOA PACKAGING COMPANY**
Tên viết tắt **SOVI**



Giấy CNĐKDN

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14/08/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 31/12/2020



Vốn điều lệ 128.324.370.000 đồng



Địa chỉ Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại (0251) 3836 121 - (0251) 3836 122; Số fax: (0251) 3832 939
Website www.sovi.com.vn
Email sovi@sovi.com.vn
Mã cổ phiếu **SVI**
Sàn niêm yết HOSE

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1968

Đổi tên thành nhà máy Bao Bì Biên Hòa được Nhà nước tiếp quản, là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai.

1978

Nhà máy được thành lập với tên thương hiệu là "SOVI", là nhà máy sản xuất bao bì giấy gọn sóng đầu tiên tại miền Nam Việt Nam với dây chuyền thiết bị công nghệ của Nhật Bản có công suất thiết kế 4.000 tấn/năm.

1997

Đầu tư mới dây chuyền công nghệ, thiết bị nâng công suất lên 20.000 tấn/năm và trở thành nhà sản xuất bao bì Carton gọn sóng hàng đầu của Việt Nam.

2000 - 2003

- Đầu tư thêm phân xưởng sản xuất hộp giấy cao cấp với dây chuyền công nghệ Offset hiện đại của Đức, Ý, Thụy Sĩ, Nhật Bản.
- Thực hiện cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (SOVI).

2005 - 2008

- Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất bao bì Carton mới, nâng công suất thiết kế lên 45.000 tấn/năm.
- Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), mã cổ phiếu là SVI.

2010

- Thành lập nhà máy sản xuất bao bì giấy Bình Dương, nâng công suất thiết kế lên 75.000 tấn/năm và nâng cấp nhà máy bao bì in Offset: diện tích 12.788m² với công suất 6.500 tấn/năm.
- Triển khai hệ thống ERP với giải pháp Oracle E Business Suite.

2012

Chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), mã cổ phiếu là SVI.

Nâng vốn điều lệ lên 106.978.420.000 đồng theo GCN ĐKKD số 3600648493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 6 ngày 21/08/2013.

2013

- Tăng vốn điều lệ lên 128.324.370.000 đồng theo hình thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Đạt chứng nhận Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam thuộc cùng ngành nghề kinh doanh.

2016

Triển khai dự án đầu tư mới nhà máy sản xuất bao bì Carton 30.000 tấn/năm tại KCN Lộc An, tỉnh Đồng Nai bằng việc hoàn tất việc đầu tư thuê đất trả tiền một lần với diện tích 60.000m² tại địa chỉ trên.

2017

Tháng 1/2019, SOVI chính thức trở thành Công ty Cổ phần, không còn vốn Nhà nước.

2019

Tháng 12/2020, TCG Solutions Pte. Ltd, một Công ty được thành lập ở Singapore chính thức nắm quyền kiểm soát SOVI với tỷ lệ 94,11% vốn cổ phần của Công ty. Công ty mẹ tối hậu của TCG Solutions Pte. Ltd là Tập đoàn SCG tại Thái Lan.

2020

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất giấy nhẵn, bì nhẵn, bao bì từ giấy và bì;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì (sản xuất giấy);
- Buôn bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy.
- Sản phẩm tiêu biểu bao gồm:

Bao bì Carton & Bao bì Offset



Địa bàn kinh doanh

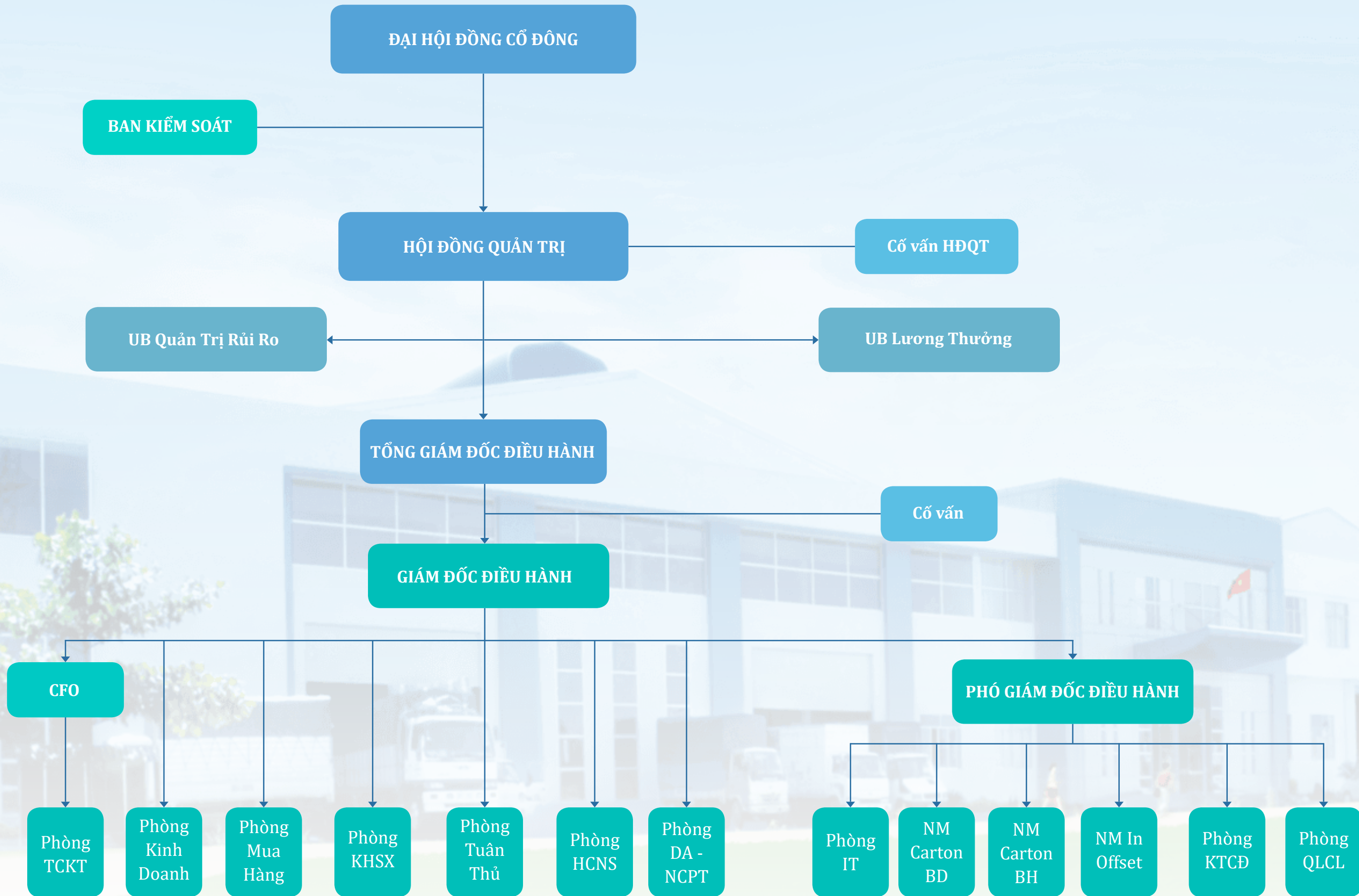
Địa bàn hoạt động chủ yếu của Công ty là các khu vực: Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương. Đây đều là những tỉnh, thành phố sở hữu nhiều KCN lớn, có tốc độ phát triển cao, điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi cho ngành công nghiệp bao bì Việt Nam. Các khách hàng lớn của SOVI là các doanh nghiệp hàng tiêu dùng như Unilever, Nestle, Vinacafe, Pepsico,....



- **Trụ sở chính:** KCN Biên Hòa 1, Đường số 7, P.An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai;
- **Nhà máy sản xuất bao bì In Offset:** KCN Biên Hòa 1, Đường số 7, P.An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai;
- **Nhà máy sản xuất bao bì Carton Biên Hòa:** KCN Biên Hòa 1, Đường số 12, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai;
- **Nhà máy sản xuất bao bì carton Bình Dương:** KCN Mỹ Phước 3, Đường số NE5, thị xã Bến Cát, TP. Biên Hòa, Tỉnh Bình Dương.



CƠ CẤU TỔ CHỨC



Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, sản xuất và tác nghiệp

Về nguồn nhân lực và hệ thống quản lý

Trong quá trình phát triển của Công ty, yếu tố nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền tảng vững chắc cho Công ty. Vì vậy Công ty chú trọng tuyển dụng nguồn nhân lực có khả năng, kinh nghiệm, nhiệt tình và sáng tạo, có tâm huyết với công việc, gắn bó với Công ty từ đó xem xét điểm mạnh, điểm yếu của nguồn nhân lực nhằm sắp xếp các vị trí phù hợp cho từng cá nhân bằng các hoạt động:

- Dựa trên tiêu chí đánh giá năng lực (ASK), tiêu chí đánh giá thành tích (KPI) tiến hành soát xét cho từng vị trí công việc nhằm xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ công việc, mối quan hệ và tính hiệu quả của từng cá nhân.
- Để phát triển nguồn nhân lực sẵn có Công ty thực hiện các chính sách đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng hợp lý. Tạo môi trường làm việc năng động, tích cực, thân thiện. Đặt ra những mục tiêu cụ thể cho nhân viên.
- Định kỳ Công ty soát xét hệ thống văn bản quản lý, cụ thể cải tiến các tác nghiệp đang áp dụng, nâng cấp và chuẩn hóa các quy trình nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi ngày càng cao của thị trường. Để mang lại hiệu quả, điều quan trọng là phải áp dụng, duy trì, đánh giá định kỳ để cải tiến liên tục.
- Bên cạnh đó, thực hiện các chính sách thu hút nhân tài, chuẩn bị nguồn nhân lực đầu vào như: Phối hợp tuyển dụng ở các trường đại học, trung tâm đào tạo để tìm kiếm các ứng viên có năng lực. Áp dụng các chương trình tài trợ học bổng, thực tập, tuyển dụng, hội nhập và phát triển cho các sinh viên khá, giỏi của trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp nghề.
- Việc tiến hành đào tạo hoặc gửi đi đào tạo, định kỳ tiến hành tập sự, đánh giá góp ý cải tiến nhằm sẵn sàng bổ sung vào các vị trí nhân sự không còn phù hợp. Ngoài ra, Công ty luôn có những kế hoạch bồi dưỡng, thực hiện công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho nguồn nhân lực và tạo môi trường làm việc năng động, gần gũi, sáng tạo để có thể đạt được hiệu quả tốt trong công việc cũng như cơ hội phát triển cho nguồn nhân lực.



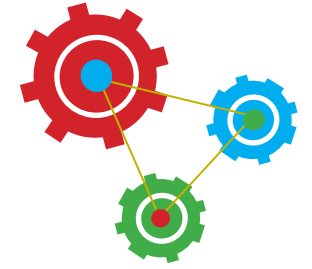
Về quản lý công nghệ và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, ngoài việc chú trọng phát triển nguồn nhân lực, Công ty còn quan tâm việc cải tiến, đầu tư trang thiết bị hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm tạo thế mạnh cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành. Vì vậy, Công ty chú trọng xây dựng đội ngũ R&D (nghiên cứu và phát triển) có kinh nghiệm, năng lực và thường xuyên kiểm tra, theo dõi máy móc thiết bị nhằm phát hiện những sự cố để kịp thời xử lý.

Đồng thời, Công ty thường xuyên tổ chức công tác đào tạo, hướng dẫn sử dụng an toàn các thiết bị máy móc mới cho nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn tiến hành phân tích, xác định điểm mạnh, điểm yếu của nguồn nhân lực, từ đó lên kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ tay nghề. Bên cạnh đó, Công ty luôn cập nhật các chính sách đãi ngộ nhằm giữ nguồn nhân lực có tay nghề cao và đào tạo đội ngũ kế thừa cho những vị trí chủ chốt để đảm bảo ổn định nguồn nhân lực cho Công ty.

Về quản lý chất lượng

Theo đó, quy trình sản xuất của Công ty được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn riêng, đảm bảo chất lượng ở từng vị trí công việc trên dây chuyền sản xuất, các quy trình tác nghiệp và vận hành. Nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và đáp ứng tốt các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Cùng với đó, việc Công ty sử dụng nguyên liệu đa dạng trong và ngoài nước được các nhà cung cấp đánh giá cao.



Qua các năm, Công ty luôn đảm bảo duy trì hệ thống quản lý chất lượng có hiệu quả trên cơ sở nâng cao chất lượng không ngừng và thường xuyên kiểm tra nhằm thực hiện các biện pháp khắc phục, phòng ngừa kịp thời.

Về quản lý công nghệ và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên

Do đặc thù ngành, hàng tồn kho chủ yếu là nguyên liệu giấy rất dễ hư và bắt lửa. Vì vậy, Công ty chú trọng đào tạo các công tác phòng cháy chữa cháy, đầu tư trang bị các vật dụng chữa cháy và bình cứu hỏa. Để hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra Công ty đã lên kế hoạch nâng cao độ chính xác về dự báo bán hàng, quản lý nguyên vật liệu nhằm duy trì mức tồn kho phù hợp nhất cho từng loại cũng như số lượng tồn kho nhằm tránh hư hại nhiều về nguyên vật liệu.

Mặt khác, Công ty chú trọng công tác dự báo bán hàng để quyết định chiến lược mua hàng, xây dựng hệ thống nhà cung ứng nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn nguồn nguyên vật liệu đầu vào và chi phí mua hàng tối ưu.

Ngoài ra, các thiết bị của Công ty được vận hành ở tốc độ tối ưu, giảm thời gian và số lần hư máy đột xuất để đảm bảo năng suất lao động đạt cao nhất. Cùng với sự phối hợp tốt giữa công tác sản xuất và giao hàng nhằm đảm bảo dòng lưu thông của sản phẩm đạt nhanh nhất, thời gian chờ đợi trong quá trình sản xuất và lưu kho ở mức thấp nhất.



Chiến lược tăng trưởng tập trung

Chiến lược tăng trưởng tập trung

Nhằm phát huy điểm mạnh của SOVI và tận dụng cơ hội hiện có để mở rộng sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty tiến hành thực hiện các giải pháp:

- Đầu tư thuê đất tại KCN Lộc An - Bình Sơn, Đồng Nai nhằm chuẩn bị đầu tư phát triển xây dựng cho các năm tới thêm một nhà máy sản xuất bao bì carton dự kiến có công suất 70.000 tấn/năm nhằm mở rộng thị phần, tăng sức cạnh tranh với các đối thủ trong khu vực Đông Nam Bộ.
- Đầu tư thêm nhiều máy móc, thiết bị có tính tự động hóa nhằm nâng công suất sản xuất, đồng bộ năng lực giữa các công đoạn sản xuất, giảm tổn thất lãng phí,...gia tăng năng lực cạnh tranh & đáp ứng nhu cầu của khách hàng, thị trường.
- Tiến hành phân tích nhu cầu của từng khách hàng để duy trì quan hệ và nâng cao doanh số của khách hàng chiến lược. Thông qua phân tích lợi thế cạnh tranh để xác định điểm mạnh và điểm yếu từ đó khắc phục và cải tiến.

Hiện nay, nhiều Công ty trong và ngoài nước xuất hiện cùng cung cấp một loại hình sản phẩm/ dịch vụ với giá thành vô cùng hấp dẫn. Để nâng cao lợi thế cạnh tranh, Công ty không ngừng cải tiến nhằm nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng cũng như đáp ứng hữu hiệu nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Khách hàng tiềm năng có thể trở thành khách hàng thực sự và trung thành hay không chính là phụ thuộc vào yếu tố này. Hiểu được tầm quan trọng đó Công ty đã đưa ra các chính sách và giải pháp như sau:

- Mục tiêu của Công ty là hỗ trợ các doanh nghiệp đưa hình ảnh thương hiệu của họ đến với người tiêu dùng thông qua các sản phẩm có thiết kế độc đáo, sáng tạo. Công ty không ngừng củng cố kỹ năng dịch vụ chăm sóc khách hàng của nhân viên, tư vấn miễn phí cho khách hàng và đảm bảo thiết kế sản phẩm nhanh chóng, hiệu quả.

- Công ty luôn cải tiến dịch vụ giao hàng tận nơi với đội ngũ nhân viên, giao hàng tận tình, có tinh thần trách nhiệm và luôn giao hàng đúng hẹn – đủ chất lượng và số lượng.
- Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên kiểm tra các khâu chăm sóc khách hàng, khi khách hàng khiếu nại phải giải quyết kịp thời, luôn tôn trọng và lắng nghe nhu cầu của khách hàng. Từ đó, tiến hành phân tích đánh giá chất lượng và sự hài lòng của khách hàng để đưa ra những giải pháp cải tiến chất lượng dịch vụ.
- Cải thiện tương tác với khách hàng.
- Đơn giản hóa quy trình phản hồi của khách hàng.

Chiến lược hạ thấp chi phí

Để gia tăng thị phần, chiến lược hạ thấp chi phí là một chiến lược cơ bản được Công ty tiến hành nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh, làm cơ sở cho việc tăng thêm nguồn lực để mở rộng đầu tư. Theo đó, Công ty áp dụng thực hiện và triển khai các giải pháp:

- Công ty thực hiện việc tự cung cấp sản phẩm trực tiếp đến khách hàng mà không qua bất cứ trung gian nào, do đó Công ty giảm được chi phí vận chuyển. Đồng thời Công ty trực tiếp cung cấp sản phẩm theo đơn hàng của khách hàng và đã loại bỏ được vấn đề nan giải là hàng tồn kho thành phẩm.



- Công ty thực hiện chuyên môn hóa để các nhân viên làm ở một vị trí cố định thì thực hiện công việc đó nhanh và ít sai sót hơn. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng cải tiến sản phẩm nhằm tiết kiệm chi phí nguyên liệu sản xuất.
- Ngoài ra, từng bước giảm, loại bỏ lãng phí bằng việc lập dự toán, phê duyệt, sử dụng và quyết toán chi phí. Kiểm soát hiệu quả ngân sách hoạt động từng bộ phận, phân xưởng thông qua việc tuân thủ các quy định, quy trình, tiêu chuẩn và định mức đã ban hành. Hướng dẫn, kiểm tra và kiểm soát định kỳ, đột xuất nhằm đảm bảo sự tuân thủ trong việc quản lý và thực hiện ngân sách.
- Các dữ liệu có liên quan đến định mức nguyên vật liệu sử dụng, chi phí thuộc phạm vi quản lý của từng bộ phận đều phải được thu thập và phân tích hàng ngày để tìm ra cách giảm chi phí cũng như nguyên nhân làm chi phí tăng để đề ra các biện pháp khắc phục và cải tiến kịp thời.



Rủi ro kinh tế

Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Năm 2020 đã khép lại với bức tranh nền kinh tế hết sức âm ảm và nhiều biến động. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tăng trưởng toàn cầu năm 2020 giảm 4,4% mức giảm thấp hơn so với dự báo đưa ra vào tháng 6 năm 2020 (-4,9%). Thời điểm cuối năm 2020, phần lớn các nền kinh tế hồi phục trở lại.

Trong đó, tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2020 giảm 3,5% thấp hơn mức dự báo. Nền kinh tế Mỹ phục hồi chủ yếu do sự tăng trưởng trở lại của hoạt động bán lẻ, bình thường hóa các hoạt động kinh tế và sự hỗ trợ của các gói kích cầu lớn. Trong khi đó, giai đoạn đầu năm 2020 nền kinh tế Trung Quốc chịu ảnh hưởng nặng bởi đại dịch Covid-19 tuy nhiên sau đó đã có những bước hồi phục mạnh mẽ, tăng trưởng GDP của Trung Quốc tăng 2,3% so với năm 2019.

COVID-19

Bước sang năm 2021, theo đánh giá của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), dự báo tăng trưởng thế giới kỳ vọng đạt 5,2%, trong đó nhóm các nền kinh tế phát triển đạt 3,9%, nhóm các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi tăng trưởng kỳ vọng đạt 6% trong năm 2021. Các chính sách nới lỏng tiền tệ tiếp tục được duy trì nhằm ngăn chặn kinh tế thế giới suy thoái sâu, cùng với cuộc chạy đua phát triển vaccine đang có kết quả tích cực, dự báo nền kinh tế toàn cầu sẽ được phục hồi nhanh.

Theo số liệu Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 của Việt Nam đạt 2,91% so với năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm 2019, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trở thành điểm nhấn ước tính đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019. Việt Nam thuộc nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới nhưng mức tăng trong năm nay là mức thấp nhất của thập kỷ 2011-2020.

Bên cạnh đó, trong năm Việt Nam đã ký kết các hiệp định thương mại tự do như EVFTA (giữa Việt Nam và EU) có hiệu lực từ ngày 1-8-2020 và hiệp định thương mại UKVFTA (giữa Việt Nam - Vương quốc Anh) có hiệu lực từ ngày 31-12-2020 kỳ vọng tạo động lực cho nền kinh tế trong tương lai.

Trong thời gian vừa qua, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đã xảy ra tạo làn sóng dịch chuyển chuỗi cung ứng sản xuất về các nước Đông Nam Á trong đó có Việt Nam, cùng với việc kiểm soát tốt dịch bệnh Việt Nam trở thành sự lựa chọn lý tưởng trở thành công xưởng tiếp theo của thế giới. Theo IMF dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 của Việt Nam tăng 6,7% so với năm 2020, nguyên nhân do sự trở lại của các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU giúp hàn gắn lại chuỗi cung ứng và gia tăng các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Với đặc điểm ngành nghề kinh doanh sản xuất bao bì giấy cho các nhãn hàng lớn như Unilever VN, Pepsico, Masan, Vinacafe, Bibica VN, Nestlé, Coca Cola,... thì việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài và sự kiểm soát dịch bệnh tốt sẽ là động lực cho ngành hàng tiêu dùng phát triển, từ đó nhu cầu sử dụng bao bì tăng trưởng SOVI sẽ được hưởng lợi. Tuy nhiên, với nền kinh tế bất ổn do đại dịch Covid-19 gây ra như hiện nay thì Công ty cần lên kế hoạch kinh doanh chi tiết và cập nhật theo tình hình thực tế để nhằm giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến Công ty.



Rủi ro tỷ giá

Ngoài nguồn nguyên liệu đầu vào mua ở trong nước, SOVI cũng nhập khẩu một số loại giấy, nguyên phụ liệu, cùng với các phụ tùng, thiết bị, máy móc chủ yếu từ các nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật, Singapore, Thái Lan,... Do đó, Công ty cũng chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá về nhập khẩu.

Nhìn chung cả năm 2020, mặc dù tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng tỷ giá VND đã tăng giá nhẹ khoảng 0,2% so với USD. Tỷ giá theo hướng ổn định nhờ Ngân hàng Nhà nước dự trữ nguồn ngoại hối cao, thị trường ngoại hối gần như không có áp lực vào cuối năm. Bên cạnh đó, do FED cắt giảm lãi suất về 0% và bơm hàng nghìn tỷ USD vào nền kinh tế, các gói hỗ trợ tài khóa của Mỹ đã làm giảm giá rõ rệt của đồng USD trên thị trường quốc tế. Theo các nhà phân tích cho rằng đồng USD sẽ tiếp tục suy yếu trong năm 2021 do FED tiếp tục chính sách nới lỏng tiền tệ để hỗ trợ hồi phục kinh tế, dự phóng VND sẽ dao động trong biên độ +/-0,5% so với đồng USD.

Trong khi đó, Trung Quốc là quốc gia đầu tiên trải qua dịch Covid-19, đã phải phong tỏa hơn nửa đất nước để kiểm soát sự lây lan, tuy nhiên vào tháng 6 sự hồi phục nhanh chóng của nền kinh tế Trung Quốc khiến cho đồng CNY mạnh lên, tỷ giá đồng CNY duy trì mức tăng liên tục đến cuối năm 2020.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro tỷ giá (tiếp theo)

Nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như trang thiết bị, dây chuyền sản xuất của SOVI được nhập khẩu từ các đối tác nước ngoài, vì vậy việc đồng tiền ở các quốc gia này có xu hướng tăng giá trong thời gian gần đây sẽ có ảnh hưởng đến Công ty. Để hạn chế những thiệt hại do tỷ giá gây ra, Công ty luôn chủ động trong việc đa dạng hóa các nhà cung cấp một số nguyên liệu chính như giấy cuộn, phụ tùng thiết bị... nhằm hạn chế tối đa các tổn thất rủi ro có thể xảy ra. Đồng thời, chủ động theo dõi các yếu tố có thể ảnh hưởng đến tỷ giá, lập nhu cầu ngoại tệ, dự trữ ngoại tệ và theo dõi sát sao biến động để có kế hoạch điều chỉnh hợp lý.

Rủi ro lãi suất

Hầu hết các doanh nghiệp thường phải vay vốn nhằm duy trì và phục vụ sản xuất kinh doanh, vì vậy trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 hiện nay việc tìm giải pháp và triển khai thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp để đảm bảo ổn định kinh tế, đưa nền kinh tế hồi phục nhanh là điều cần thiết. Nhằm giúp nền kinh tế vực dậy khỏi đợt suy thoái, các ngân hàng Trung ương trên toàn cầu đã thực hiện các chính sách nới lỏng tiền tệ, điều hành cắt giảm lãi suất linh hoạt phù hợp với tình hình kinh tế. Áp dụng các chính sách ưu đãi tín dụng thúc đẩy tăng trưởng tín dụng.

Theo Ngân hàng Nhà nước, năm 2020 lãi suất huy động và lãi suất cho vay có xu hướng giảm so với năm 2019.

Hiện lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,3%-3,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,4%-6,2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6%-7%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn VNĐ của Tổ chức Tín dụng đối với một số lĩnh vực ở mức 4,5%/năm. Lãi suất cho vay USD ngắn hạn phổ biến ở mức 3%-4,5%, lãi suất cho vay USD trung và dài hạn ở mức 4,2%-6%/năm. Theo Cục Dự trữ Liên bang (Fed) đã giảm lãi suất điều hành xuống 0%-0,25% và họ đã sẵn sàng duy trì mức này ít nhất cho tới năm 2023 để hỗ trợ nền kinh tế.

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh, hiện nay nợ vay ngắn hạn của SOVI chiếm 93,81% tổng nợ để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình nhu cầu ngày càng tăng cao. Công ty có tỷ lệ nợ vay là 17,94% trên tổng tài sản nên việc lãi suất giảm như hiện nay tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty.



Tuy nhiên, để hạn chế những ảnh hưởng của lãi suất, Công ty lập kế hoạch vay và kế hoạch chi trả cụ thể cho từng khoản vay, đồng thời tìm và tận dụng các khoản vay dài hạn với lãi suất ưu đãi. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện đồng bộ một số giải pháp như: quản lý và kiểm soát dòng tiền hiệu quả hơn, duy trì mức tồn kho hợp lý, đàm phán với một số khách hàng có doanh số thấp để rút ngắn thời hạn thu tiền.

Ngoài ra, Công ty cần theo dõi thường xuyên các khoản nợ phải trả dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì tính thanh khoản ổn định trong ngắn hạn và dài hạn. Những điều này đã góp phần hạn chế những bất ổn và ảnh hưởng từ lãi suất đến hoạt động của Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro ngành

Sản phẩm tiêu biểu của Công ty là bao bì Carton và bao bì Offset, thị trường tiêu thụ chính sản phẩm của Công ty là thị trường trong nước. Do đó, nếu có sự biến động thị trường trong nước sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro nguyên vật liệu

Đại dịch Covid-19 đã tạo ra sự gián đoạn lớn trong lĩnh vực bao bì do các biện pháp phong tỏa, hạn chế đi lại, thiếu lực lượng lao động, nguyên liệu sản xuất chủ yếu từ nhập khẩu. Ngành bao bì giấy bị ảnh hưởng nặng nề dưới tác động kép, vừa thiếu nguyên liệu sản xuất vừa gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm khi những ngành nghề khác sản xuất kinh doanh bị đình trệ, giảm lượng hàng tiêu thụ do đó nhu cầu thị trường giảm.

Với đặc điểm kinh doanh của ngành sản xuất bao bì carton gọn sóng, chi phí nguyên vật liệu chiếm trên 80% tổng chi phí sản xuất. Từ Quý 1 đến Quý 3 năm 2020, giá giấy theo xu hướng ổn định. Tuy nhiên, từ Quý 4/2020, giá giấy các loại như giấy làm mặt (Test liner, Kraft liner, White top), giấy làm sóng (Medium) và các loại giấy Duplex, Ivory,... theo xu hướng tăng liên tục. Đến tháng 12/2020 đã tăng 530 USD/tấn (12,500,000 triệu đồng/tấn) đối với cả giấy lớp mặt và lớp sóng so với tháng 10/2020.

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro nguyên vật liệu (tiếp theo)

Theo Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam (VPPA), việc nhu cầu giấy và sản phẩm giấy tăng mạnh sau khi dịch bệnh kết thúc vừa là cơ hội cũng là thách thức đối với doanh nghiệp Việt. Bởi sau đại dịch kết thúc, các ngành sản xuất tăng hoạt động trở lại sẽ làm tăng mạnh nhu cầu giấy sản xuất bao bì, hộp giấy đựng đồ ăn, khăn giấy và các loại giấy khác. Trong khi đó nguồn cung nguyên liệu nhập khẩu chưa tăng dẫn đến việc thiếu hụt nguồn cung sẽ khiến giá giấy nguyên liệu tăng.

Trước tình hình này, Công ty đã chủ động lập kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu để hạn chế tối đa thiệt hại, linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hóa; kết hợp tìm kiếm nhiều đối tác cung cấp nguyên liệu giá rẻ. Đồng thời, ký kết hợp đồng dài hạn với những đơn hàng lớn để hưởng giá thấp, thiết lập mối quan hệ lâu dài và uy tín với những đối tác trong và ngoài nước để đảm bảo tính ổn định cho giá cả nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều nhà cung cấp khác để có được nguồn nguyên liệu với giá phù hợp.



Rủi ro cạnh tranh

Sản xuất bao bì Carton có rào cản gia nhập ngành thấp. Các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính mạnh có thể đầu tư sản xuất quy mô lớn. Khách hàng có khả năng chuyển đổi dễ dàng giữa các nhà cung cấp. Theo đó, 03 yếu tố quyết định việc lựa chọn nhà cung cấp bao bì thường là:

- (01) Chất lượng sản phẩm, có khả năng thực hiện nhiều mẫu mã mới;**
- (02) giá cả cạnh tranh;**
- (03) dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.**

Theo số liệu của Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam (VPPA), hiện nay cả nước có hơn 300 doanh nghiệp tham gia sản xuất bao bì giấy, phần lớn là sản xuất bao bì Carton. Riêng ở Bình Dương và Đồng Nai có nhiều doanh nghiệp FDI được đầu tư quy mô lớn, quản lý chuyên nghiệp.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định thông tư có liên quan khác. Tuy nhiên, Hệ thống luật và các văn bản dưới Luật hiện nay của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, bất cứ sự thay đổi nào về các quy định liên quan và quy định đặc thù của ngành đều tác động trực tiếp đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Công ty với đặc thù hoạt động trong ngành sản xuất giấy, chịu những quy chuẩn khắt khe về hàm lượng chất thải và hệ thống kho bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu. Đây là một ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ những chính sách của Nhà nước. Để giảm thiểu rủi ro pháp luật, Công ty thuê các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước để hỗ trợ thực hiện các giao dịch pháp lý phức tạp.

Rủi ro môi trường

Là Công ty hoạt động liên quan đến sản xuất bao bì giấy nên SOVI chịu sự quản lý chặt chẽ về vấn đề bảo vệ môi trường. Mặc dù được đánh giá là ngành công nghiệp phát triển nhanh tại nước ta nhưng ngành công nghiệp giấy nói chung và ngành sản xuất bao bì giấy nói riêng có thể gây ô nhiễm cho môi trường.

Nhận thức được tác hại của chất thải lên môi trường sống, Công ty chủ thực hiện những biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường với định hướng áp dụng công nghệ tiên tiến, xanh, hiện đại, thân thiện, bảo vệ môi trường, gắn liền với sứ mệnh của Công ty và góp phần thúc đẩy những ngành công nghiệp khác cùng phát triển.



Để hạn chế tác động của môi trường làm việc lên sức khỏe của người lao động, cán bộ nhân viên, Công ty luôn thực hiện các biện pháp nhằm phòng ngừa và đảm bảo an toàn trong vận hành như: Ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi để xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn Quốc gia về Nước thải Công nghiệp với công suất 300 m³/ngày đêm, đầu tư cải tạo hệ thống xử lý khí thải, đầu tư thiết bị xử lý bụi, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, nâng cao nhận thức về phòng cháy chữa cháy, tổ chức các buổi đào tạo để nắm rõ các thành phần nguyên liệu sản xuất giúp cải thiện trong quá trình sản xuất.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù hiếm xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây ra thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động chung của Công ty. Ngoài ra SOVI là công ty chuyên sản xuất, kinh doanh bao bì giấy, thường xuyên hoạt động và chứa hàng ngàn thành phẩm bìa, nguyên liệu giấy. Đây đều là những chất dễ bắt lửa và khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra có thể gây thiệt hại lớn. Vì thế, Công ty rất chú trọng đến công tác phòng cháy chữa cháy, trang bị bình cứu hỏa, các vật dụng chữa cháy, tổ chức các buổi tập huấn cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn mua bảo hiểm cho người lao động, nhà xưởng để giảm thiểu tối đa tổn thất do cháy nổ gây ra.



SOVI

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Bối cảnh kinh tế

Năm 2020 trước tình hình dịch Covid-19 phức tạp khiến nền kinh tế thế giới bị tác động nghiêm trọng đến các nước trên thế giới:

- Kinh tế Mỹ phải đối mặt với những thách thức chưa từng có: kinh tế rơi vào suy thoái, tỷ lệ thất nghiệp tăng vọt,... Tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2020 giảm 3,5%, vẫn còn hàng triệu người dân Mỹ đang thất nghiệp, theo Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ước tính tỷ lệ thất nghiệp giảm còn 6,7% trong năm nay, sau đó xuống còn 5% trong năm 2021. Fed giữ nguyên dự báo mức lạm phát năm 2020 là 1,2%. Fed đã giảm lãi suất điều hành xuống 0%-0,25% và sẵn sàng duy trì mức này ít nhất cho tới năm 2023 để hỗ trợ nền kinh tế.
- Sau khoảng thời gian khủng hoảng do dịch Covid-19, tăng trưởng GDP Trung Quốc năm 2020 tăng 2,3% so với năm 2019, trong đó, tăng trưởng Quý I, II, III, IV lần lượt là -6,8%, 3,2%, 4,9% và 6,5%. Tăng trưởng này chủ yếu dựa vào đầu tư, Trung Quốc dự kiến sẽ chứng kiến sự gia tăng đầu tư, sản lượng công nghiệp, tạo động lực tăng trưởng cho nền kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, sự phục hồi của nền kinh tế Trung Quốc cũng phụ thuộc vào sự căng thẳng của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ-Trung.



Bối cảnh ngành bao bì giấy

Hiện nay, đối với ngành công nghiệp bao bì là ngành phụ trợ cho các ngành sản xuất hàng tiêu dùng, thực phẩm, thương mại điện tử,... Bên cạnh đó, Việt Nam với lợi thế có nguồn nhân công được đào tạo tay nghề cao, khéo léo nhờ đó đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về mẫu mã, số lượng và chất lượng của sản phẩm bao bì. Trong 4 năm gần đây ngành giấy bao bì có tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 15-20%/năm cho thấy tiềm năng rất lớn của ngành này tại thị trường Việt Nam.

Theo VPPA, năm 2020, tiêu dùng giấy toàn ngành ước tính đạt 4,34 triệu tấn, tăng trưởng 15,6%; xuất khẩu giấy đạt sản lượng 1,5 triệu tấn, tăng trưởng 95,3%, nhập khẩu đạt sản lượng 1,3 triệu tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giấy bao bì và giấy tissue về tiêu dùng và xuất khẩu đạt sản lượng, tốc độ tăng trưởng ấn tượng.

Theo Vietnam Report, SOVI nằm trong Top 10 Công ty Bao bì uy tín năm 2020. Trong quá trình hình thành và phát triển, SOVI đã trở thành một trong những nhà cung cấp bao bì giấy đáng tin cậy hàng đầu tại Việt Nam và luôn mở rộng đầu tư đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Với sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên, Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH 2020 so với KH 2020	TH 2020 so với TH 2019
Bao bì giấy (Carton, Offset)	Kg	83.878.573	94.525.000	86.440.000	91,45%	103,05%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.703,56	1.800	1.687,38	93,74%	99,05%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	180,21	140	183,15	130,82%	101,63%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Doanh thu thuần	1.381,74	1.554,39	1.780,17	1.703,56	1.687,38
Lợi nhuận gộp	181,97	183,72	185,49	299,04	292,48
Lợi nhuận thuần HĐKD	92,23	80,73	75,02	186,73	183,06
Lợi nhuận trước thuế	93,38	83,01	77,43	180,21	183,15
Lợi nhuận sau thuế	74,66	66,26	61,21	141,25	146,30

Trong giai đoạn 2016-2018, doanh thu thuần của công ty tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, 2019-2020, doanh thu thuần có xu hướng giảm. Năm 2020 doanh thu thuần giảm nhẹ 16,18 tỷ đồng, tương đương giảm 0,95% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do nền kinh tế chịu nhiều biến động bởi ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 khiến cho doanh thu Công ty bị chững lại.

Năm 2019, do cuộc chiến tranh thương mại diễn ra giữa Mỹ và Trung Quốc khiến sản lượng tiêu thụ của Trung Quốc giảm, từ đó giá giấy nguyên liệu có xu hướng giảm giúp Công ty cải thiện lợi nhuận gộp. Tuy nhiên, năm 2020 giá giấy nguyên liệu nhập khẩu tăng trở lại khiến cho chi phí giá vốn tăng làm cho lợi nhuận gộp giảm nhẹ 6,56 tỷ đồng tương đương giảm 2,19% so với năm 2019. Năm 2020, lợi nhuận sau thuế không có nhiều biến động, trong năm Công ty đã giảm các khoản chi phí vì vậy lợi nhuận sau thuế tăng 5,05 tỷ đồng, tương đương 4% so với năm 2019.



ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016
Tổng tài sản	1.089,05	904,50	922,93	936,96	749,98
Vốn chủ sở hữu	567,08	464,01	339,71	353,59	330,29
Nợ ngắn hạn	489,64	373,62	541,50	533,97	378,05
Nợ dài hạn	32,32	66,87	41,71	49,40	41,64

Tổng tài sản của Công ty năm 2020 tăng 184,55 tỷ đồng, tương đương tăng 20,40% so với năm 2019, nguyên nhân chủ yếu là do khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng của Công ty trong năm tăng mạnh 584,09% so với cùng kỳ.

Năm 2020, nợ ngắn hạn tăng 116,02 tỷ đồng, tương đương tăng 31,05% so với năm 2019, nguyên nhân là do trong năm Công ty tăng 82,67 tỷ đồng nợ vay tài chính ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động, đảm bảo nguồn cung đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Mặt khác, nợ dài hạn của Công ty giảm 51,66% so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ việc Công ty đã tắt toán khoản vay tài chính từ tháng 03/2019 đối với Quỹ đầu tư Phát triển Đồng Nai.

Thành viên Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	0	0%
2	Ông Đặng Ngọc Diệp	Giám đốc điều hành	0	0%
3	Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc điều hành	0	0%
4	Ông Phạm Hồng Đức	Giám đốc Khối tài chính kiêm Kế toán trưởng	0	0%

Sơ yếu lý lịch

Ông Ekarach Sinnarong Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ sư (chuyên ngành Kỹ sư Công nghiệp), Thạc sĩ Kỹ sư (chuyên ngành Kỹ sư hệ thống sản xuất).

Quá trình công tác:

- Từ 2016 – 2017: Quản lý Bộ phận sản xuất, Công ty Thai Containers Rayong Co., Ltd.
- Từ 2018 – 2019: Quản lý Phòng sản xuất, Công ty Thai Containers Group Co., Ltd (Chonburi).
- Từ 2019 – 2020: Giám đốc Bộ phận sản xuất, Công ty Công nghiệp Tân Á.
- Từ 2020 – Hiện tại: Tổng Giám đốc cụm Công ty Công nghiệp Tân Á, Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam), Công ty TNHH Sản xuất Bao bì AP Hà Nội (Việt Nam), và Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Packamex (Việt Nam). Tổng Giám đốc Công ty CP Bao Bì Biên Hòa.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Ông Đặng Ngọc Diệp Giám đốc điều hành

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

- Từ 1992 – 1996: Nhân viên phòng Cơ điện Công ty may CN Đồng Nai.
- Từ 1996 – 2002: Trưởng ca sản xuất Nhà máy bao bì Biên Hòa.
- Từ 2002 – 2005: Trưởng BP Quản trị chất lượng CTCP bao bì Biên Hòa.
- Từ 2005 – 2006: Quản đốc Xưởng Offset, CTCP bao bì Biên Hòa.
- Từ 2006 – 04/2008: Trưởng BP Kế hoạch sản xuất CTCP bao bì Biên Hòa.
- Từ 04/2008 – 2016: Trưởng BP Kinh doanh của SOVI, TV.HĐQT.
- Từ 2016 – 01/04/2019: Phó Giám đốc kinh doanh, TV. HĐQT.
- Từ 01/04/2019 - 09/12/2020: Tổng Giám đốc, TV. HĐQT.
- Từ 17/03/2021 – Hiện tại: Giám đốc điều hành.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Ông Trần Trang Bình Phó Giám đốc điều hành

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- Từ 06/1995 - 09/1996: Nhân viên kỹ thuật Công ty Cổ phần gỗ Tân Mai.
- Từ 09/1996 - 05/2002: Trưởng bộ phận Quản lý chất lượng Nhà máy Bao bì Biên Hòa.
- Từ 06/2002 – Nay: Phó giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.
- Từ 09/2003 – 2015: Thành viên HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa.
- Từ 2016 – 14/01/2019: Chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa.
- Từ 15/01/2019 – 09/12/2020: Lãnh đạo khối SX & khối hỗ trợ kiêm Phó Chủ tịch HĐQT.
- Từ 09/12/2020 – Hiện tại: Phó Giám đốc điều hành - Lãnh đạo khối SX & khối hỗ trợ.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Ông Phạm Hồng Đức Giám đốc Khối tài chính kiêm Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính và Thương mại quốc tế.

Quá trình công tác:

- Từ 02/04/2019 – Hiện tại: Giám đốc Khối tài chính tại Công ty CP Bao bì Biên Hòa.
- Từ 25/09/2019 – Hiện tại: Kế toán trưởng Công ty CP Bao bì Biên Hòa.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.

Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc

- Từ ngày 09/12/2020, miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty CP Bao Bì Biên Hòa đối với Ông Đặng Ngọc Diệp.
- Từ ngày 09/12/2020, bổ nhiệm Ông Ekarach Sinnarong làm Tổng Giám đốc Công ty CP Bao Bì Biên Hòa thay cho Ông Đặng Ngọc Diệp.

Cơ cấu người lao động

Tính đến 31/12/2020, tổng số lao động của Công ty là 828 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	111	13,41%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	139	16,79%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	5	0,60%
4	Lao động phổ thông	573	69,20%
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	585	70,65%
2	Lao động gián tiếp	243	29,35%
III	Theo giới tính		
1	Nam	743	89,73%
2	Nữ	85	10,27%
	Tổng cộng	828	100%

Chính sách đào tạo

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của Công ty. Vì vậy, SOVI rất chú trọng việc tổ chức các hoạt động đào tạo và phát triển cho đội ngũ CB – CNV.

- Về công tác đào tạo nguồn nhân lực: Hoạt động đào tạo không chỉ tập trung vào chuyên môn mà còn chú trọng đến kỹ năng làm việc nhằm giúp nhân viên ngày càng hoàn thiện, tăng hiệu suất công việc và phát triển bản thân trên lộ trình nghề nghiệp mong muốn. Bên cạnh đó, Công ty cam kết đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ mọi chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật.
- Ngoài ra, Công ty có tổ chức đào tạo nghiệp vụ nhằm hướng dẫn sử dụng, vận hành máy móc an toàn hiệu quả, bổ sung kỹ năng quản lý cho nhân viên. Trong năm, Công ty thường xuyên cập nhật quy định, cơ cấu tổ chức, kiến thức về sản phẩm, tiêu chuẩn quản lý chất lượng cho CB - CNV.
- Hàng năm, Công ty tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ cho các CB - CNV sau khi ký kết hợp đồng lao động theo kế hoạch đào tạo hoặc đào tạo theo yêu cầu của đơn vị. Các chính sách hỗ trợ học phí đối với những CB - CNV có sự tìm tòi, học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn cũng được Công ty chú trọng.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Chính sách tiền lương

Công ty thực hiện chính sách lương dựa trên nghị định 90/2019/NĐ - CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ về mức lương tối thiểu. Bên cạnh đó, Công ty vẫn đảm bảo chính sách lương, thưởng hợp lý thông qua đánh giá hiệu quả công việc của từng CB - CNV.

Chính sách phúc lợi

SOVI chăm lo đến đời sống CB-CNV thông qua nhiều chính sách phúc lợi ngày càng toàn diện và hoàn thiện hơn như: du lịch nghỉ mát hằng năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho toàn bộ CB-CNV và 2 lần/năm đối với những nhân viên làm việc trong môi trường độc hại nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động trong môi trường sản xuất và giúp người lao động yên tâm làm việc.

Công ty đã hỗ trợ các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo cho toàn thể cán bộ công nhân viên được hưởng đầy đủ theo chế độ. Ngoài ra, còn rất nhiều chế độ, chính sách chu đáo khác nhằm đem lại nhiều lợi ích cho hơn nữa cho CB - CNV.

Chế độ lao động

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về chế độ làm việc, đảm bảo những quyền lợi cho người lao động và ngày càng có nhiều chính sách tốt hơn, đem lại sự an tâm cho người lao động.

Chính sách khen thưởng

Để khích lệ, động viên và thưởng xứng đáng cho những nhân viên đóng góp vào sự phát triển của Công ty, SOVI đã đưa ra nhiều chính sách khen thưởng phong phú:

- Lương tháng 13.
- Thưởng vào các ngày lễ lớn như Tết nguyên đán, lễ 30/04 - 01/05, lễ Quốc Khánh 2/9...
- Thưởng hiệu quả công việc theo thành tích mỗi cá nhân và đơn vị.
- Thưởng tập thể cá nhân giỏi, lao động tiêu biểu.
- Thưởng khuyến khích cho những thành viên có sáng kiến, cải tiến kĩ thuật.

DVT: Nghìn đồng

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân	13,41	13,66	15,469	16,518	18,623

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Công tác đầu tư được thực hiện theo chủ trương định hướng của HĐQT được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2020. Trong thực tế Công ty đã đầu tư với số tiền là 64.220 triệu đồng chủ yếu nhằm mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện, dụng cụ quản lý/ sản xuất nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển của doanh nghiệp, nâng công suất sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2019	2020	Tăng / Giảm 2019
1	Tổng tài sản	904,50	1.089,05	20,40%
2	Doanh thu thuần	1.703,56	1.687,38	-0,95%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	186,73	183,06	-1,96%
4	Lợi nhuận khác	-6,51	0,09	101,31%
5	Lợi nhuận trước thuế	180,21	183,15	1,63%
6	Lợi nhuận sau thuế	141,25	146,30	3,57%
7	Cổ tức	-	20%	



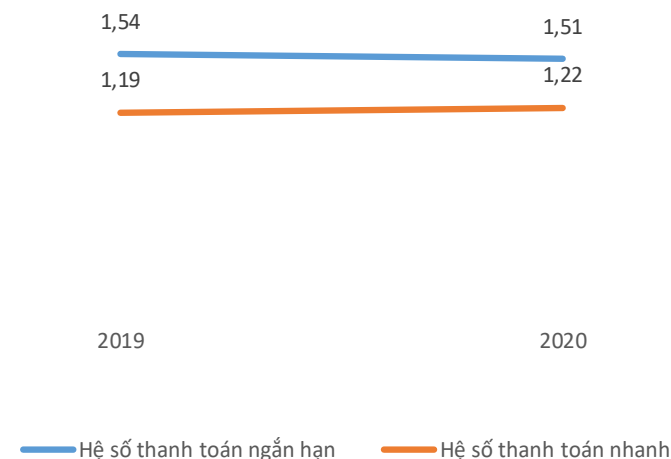
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2019	2020
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,54	1,51
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,19	1,22
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	48,70	47,93
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	94,93	92,04
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Lần	7,96	10,15
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Lần	1,86	1,69
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	8,29	8,67
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân) (ROE)	%	35,15	28,38
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân) (ROA)	%	15,46	14,68
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,96	10,85

Về khả năng thanh toán

Chỉ số về khả năng thanh toán đo lường khả năng trả nợ các khoản nợ ngắn hạn của Công ty. Trong năm 2020, chỉ số khả năng thanh toán của Công ty không biến động nhiều, cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn giảm 0,03 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng 0,03 lần so với năm 2019. Mặc dù trong năm tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 162,17 tỷ đồng, tương đương tăng 28,14% so với năm 2019, tuy nhiên khoản nợ ngắn hạn của Công ty tăng 116,02 tỷ đồng, tương đương tăng 31,05% so với cùng kỳ. Vì vậy, đã khiến cho hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty giảm nhẹ. Nhìn chung, khả năng thanh toán của Công ty tương đối tích cực khi hệ số thanh toán ngắn hạn duy trì ở mức lớn hơn 1, cho thấy Công ty vẫn giữ được khả năng tài chính lành mạnh.

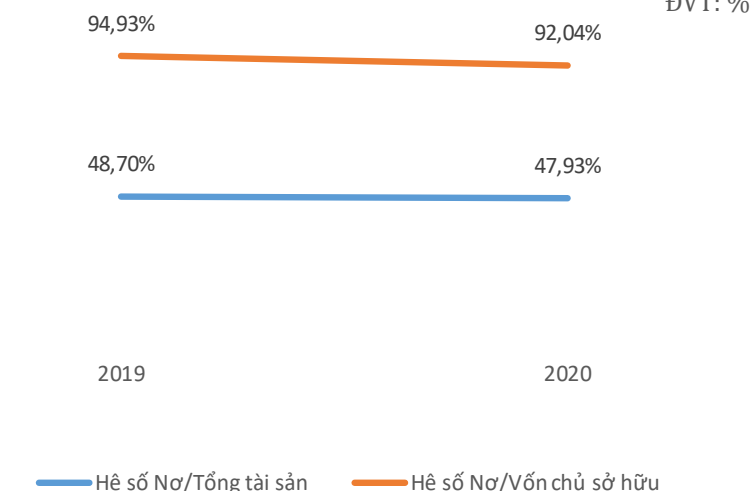
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ĐVT: Lần



Về cơ cấu vốn

Nhìn chung, chỉ tiêu về cơ cấu vốn không có nhiều sự biến động, cụ thể hiện nay Công ty có nợ vay chiếm 37,44% tổng nợ; chỉ tiêu nợ/tổng tài sản vẫn duy trì ở mức gần 50, giảm nhẹ so với năm 2019. Năm 2020, khoản vay ngắn hạn của Công ty tăng 82,67 tỷ đồng, tương đương tăng 92,13%, chủ yếu là các khoản vay ngân hàng nhằm tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Mặt khác, trong năm Công ty đầu tư vào tài chính ngắn hạn, chủ yếu là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng tăng 128,50 tỷ đồng, tương đương tăng 584,09% so với năm 2019.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn ĐVT: %

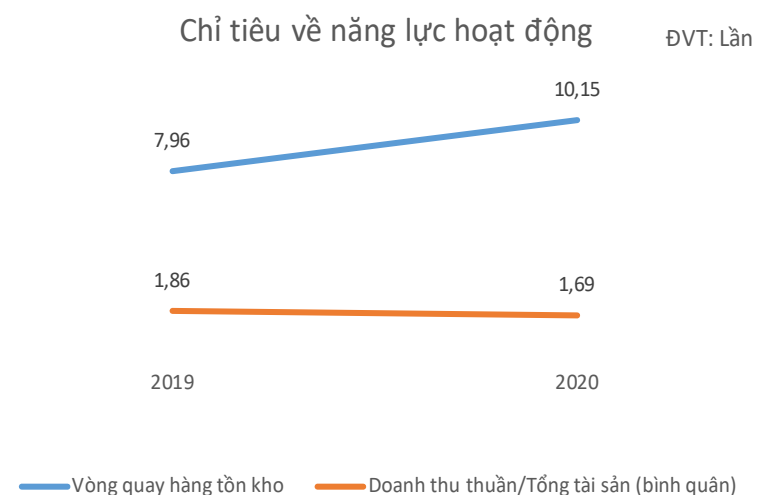


Vì vậy, đã giúp hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm 1,58% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm 3,04% so với năm 2019. Qua đó cho thấy Công ty hiện đang duy trì cấu trúc tài chính ổn định để đảm bảo tài trợ trong việc đầu tư, nâng cấp các nhà máy.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2020 đạt 10,15 vòng, tăng 2,19 vòng so với năm 2019. Số ngày tồn kho trong năm nay giảm xuống còn 36 ngày, thấp hơn so với trung bình giai đoạn 2016-2019 khoảng 42-50 ngày. Cụ thể, hàng tồn kho năm 2020 của Công ty tăng nhẹ 10 tỷ đồng, tương đương tăng 7,39% so với năm 2019, nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến việc nhập khẩu nguyên liệu trở nên khó khăn dẫn đến giá giấy nguyên liệu tăng. Mặt khác, giá vốn hàng bán của Công ty giảm 9,61 tỷ đồng, tương đương giảm 0,68% so với cùng kỳ, cho thấy trong năm Công ty thực hiện tốt việc quản lý chi phí sản xuất.

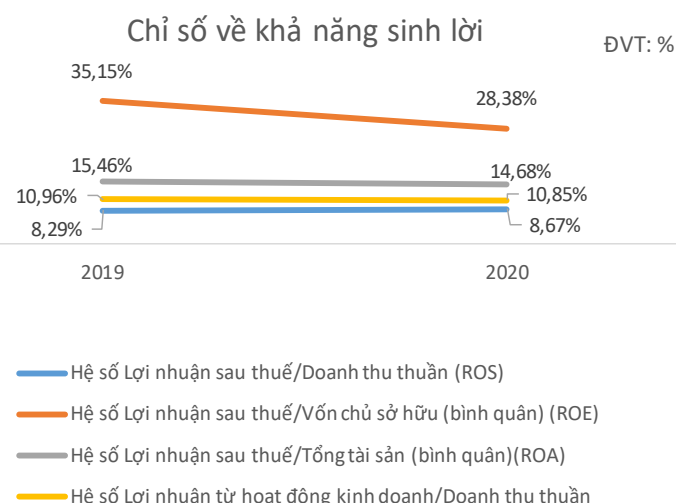


Chỉ số hiệu quả sử dụng tài sản đo lường một đồng tài sản tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu. Giai đoạn từ 2016-2019, chỉ số hiệu quả tương đối ổn định duy trì ở mức 1,83-1,91 vòng. Tuy nhiên, năm 2020 hệ số này giảm 0,17 lần so với năm 2019, chủ yếu do hiện tại các nhà máy đã hoạt động gần hết công suất thiết kế, Công ty khó khăn trong việc gia tăng sản lượng khiến doanh thu tăng trưởng chậm lại.

Về khả năng sinh lời

Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty năm 2020 giảm so với năm 2019, cụ thể hệ số tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) lần lượt giảm 19,27%, 5,06%, nguyên nhân chủ yếu do trong năm Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư để mở rộng quy mô sản xuất đã làm tổng tài sản của Công ty tăng lên.

Năm 2020, hệ số tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (ROS) tăng 4,57% và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần giảm 1,02%. Trong năm, doanh thu thuần giảm 0,95% so với năm 2019 kéo theo lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm, tuy nhiên trong năm Công ty có lợi từ doanh thu hoạt động tài chính, giúp cho lợi nhuận sau thuế được cải thiện, cụ thể lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 5,05 tỷ đồng tương đương 3,57% so với năm 2019.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐẦU TƯ

Số lượng cổ phần
12.832.437
cổ phần

Số cổ phiếu
phổ thông
12.832.437
cổ phần

Số cổ phiếu
đang lưu hành
12.832.437
cổ phần

Số cổ phiếu quỹ
không có

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông (cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 26/02/2021)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Nhà nước			
II	Cổ đông nội bộ			
III	Cổ đông trong nước	303	674.592	5,26%
1	- Tổ chức	16	323	0,003%
2	- Cá nhân	287	674.269	5,25%
IV	Cổ đông nước ngoài	30	12.157.845	94,74%
1	- Tổ chức	9	12.135.475	94,57%
2	- Cá nhân	21	22.370	0,17%
	Tổng cộng	333	12.832.437	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty không thực hiện tăng vốn đầu tư.

Báo cáo quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong lĩnh vực sản xuất bao bì giấy, chi phí nguyên vật liệu là yếu tố chiếm tỷ trọng lớn và tác động nhiều đến giá thành sản phẩm cũng như lợi nhuận của Công ty. Vì vậy, doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển bền vững, phải thực hành tiết kiệm, sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu và lựa chọn tìm kiếm nhà cung cấp nguyên vật liệu tốt nhất nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như giá thành sản xuất.

Để đạt được điều đó Công ty phải lên kế hoạch quản lý nguyên vật liệu, thường xuyên kiểm tra hàng tồn kho nhằm dự trữ mức tồn kho phù hợp; đồng thời chú trọng kiểm tra, rà soát để hoàn thiện và chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn định mức như hiệu hao vật tư, nguyên vật liệu, đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Trong năm, Công ty đã thực hiện các chính sách sử dụng nguồn nguyên vật liệu nhằm đạt hiệu quả nhất:

➤ Công ty sử dụng giấy cuộn để sản xuất sản phẩm bao bì carton và giấy cuộn duplex để sản xuất giấy in offset. Tổng khối lượng sử dụng giấy năm 2020 là: 100.541 tấn.

➤ Nguyên liệu giấy thải ra trong năm 2020 khoảng 14.460 tấn giấy phế liệu. Công ty chuyển bán toàn bộ 100% cho các công ty sản xuất giấy cuộn trong nước để tái chế lại.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tiêu thụ nước

Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức lớn về tình trạng ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt là tại các khu công nghiệp và đô thị. Tại các thành phố lớn, lượng nước thải chưa qua xử lý của hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp đang là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường nguồn nước.

Nắm bắt được vấn đề này, để giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường. Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, xây dựng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích CB-CNV sử dụng tiết kiệm nước.

Công ty nhận thức được rằng môi trường được bảo vệ luôn gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Công ty và đã định hướng phát triển hoạt động sản xuất đầu tư theo hướng công nghệ tiên tiến, xanh và thân thiện với môi trường. Đồng thời, Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CB-CNV Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như sau:



Năm 2020, tổng lượng nước Công ty đã sử dụng là: 84.306 m³/năm và Công ty sử dụng 100% nguồn nước sạch trong sản xuất từ Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai. Phân xưởng Xeo sử dụng nước đã qua hệ thống xử lý nước thải nội tại Phân xưởng.

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Để đảm bảo chất lượng nguồn nước, Công ty phân tách mạng lưới nước thành hai hệ thống gồm: mạng lưới thoát nước mưa và mạng lưới thoát nước thải.

- Mạng lưới thoát nước mưa: nước mưa được thu trên mái, sân bãi và đường nội bộ của phân xưởng và đấu nối ra mạng lưới thoát nước mưa của KCN Biên Hòa 1. Mạng lưới được đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời.
- Mạng lưới thoát nước thải: Công ty đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm. Bên cạnh đó, Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi để xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn Quốc gia về Nước thải Công nghiệp (cột A).

Từ nhận thức và hành động thực tiễn đã giúp Công ty trong năm Công ty không có vi phạm về các quy định pháp luật về môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Nguồn nhân lực là một phần quan trọng trong mỗi tổ chức và có quyết định lớn đến thành bại của một doanh nghiệp. Nhằm duy trì sự phát triển của Công ty thì việc chú trọng, quan tâm phát triển nguồn nhân lực qua các hoạt động đào tạo và nâng cao trình độ là điều cần thiết. Công ty không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo lương thưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới.

Nhân viên	Giờ đào tạo
Quản lý cấp Trung cao	8
Chuyên viên, Tổ trưởng	12
Nhân viên thừa hành, phục vụ	12
Công nhân sản xuất	24

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Trong các hoạt động đào tạo nhân viên, Công ty vẫn duy trì tổ chức nhiều chương trình huấn luyện bên trong và bên ngoài, trong đó có các chương trình được tài trợ của JICA và Trung tâm 3:

- Chương trình đào tạo sản xuất tinh gọn (Lean).
- Chương trình đào tạo quản trị kinh doanh cao cấp Keieijuku.
- Chương trình huấn luyện về FSC – Coc.
- Chương trình huấn luyện 5S; An toàn lao động, Sơ cấp cứu, ứng phó với tình huống khẩn cấp; PCCC.
- Chương trình huấn luyện bảo trì thiết bị.

Nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc các chính sách sau:

- Nhằm tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, đảm bảo cho người lao động yên tâm làm việc. Công ty đã đề ra những tiêu chí rõ ràng về điều kiện làm việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho các CBCNV. Đảm bảo 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, đăng ký mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể theo đúng quy định pháp luật người lao động. Hàng năm, Công ty tổ chức thăm hỏi và hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn vào các dịp lễ, Tết,...
- Đảm bảo chế độ như nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, cán bộ công nhân viên có thời gian gắn bó với Công ty nhất định sẽ được hưởng chế độ lương tháng thứ 13. Ngoài ra, được thưởng theo quy định của Công ty khi đến lễ và Tết. Đồng thời, tạo điều kiện cho công nhân giao lưu và trao đổi kinh nghiệm qua những hoạt động ngoài trời do Công ty tổ chức.
- Ngoài việc chấp hành trả lương theo đúng quy định, Công ty còn có khoản thưởng dành cho người lao động có đóng góp và làm việc vì lợi ích chung của Công ty. Tạo động lực để người lao động phát huy khả năng trong môi trường làm việc.
- Cung cấp bữa ăn giữa trưa cho người lao động đảm bảo an toàn và chế độ dinh dưỡng, bồi dưỡng công nhân làm tăng ca.
- Thăm hỏi và hỗ trợ người lao động ốm đau, gia đình gặp khó khăn.
- Đảm bảo việc trang bị bảo hộ an toàn cho người động trong sản xuất, đồng thời tổ chức khám định kỳ hàng năm để đảm bảo sức khỏe và khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả trong sản xuất.
- Tạo môi trường làm việc an toàn và lành mạnh đối với người lao động, tuyên truyền việc giữ gìn và bảo vệ môi trường trong và ngoài Công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2020, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB - CNV luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ. Công ty nhận thức được trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn cho các hộ gia đình trên địa bàn hoạt động.

Theo đó, Công ty đã có các hoạt động phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất/chất thải nguy hại trong việc lưu giữ và vận chuyển, tái chế chất thải đúng cách, đảm bảo an toàn khi xả thải nước ra môi trường, có bảng an toàn dễ nhận biết. Công ty luôn tuân thủ các yêu cầu khắt khe để vừa đảm bảo đáp ứng cho ra các sản phẩm chất lượng tốt và thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, nhằm phòng ngừa sự cố cháy nổ Công ty đã trang bị hệ thống PCCC đúng quy định, bố trí hệ thống hợp lý an toàn.

Một số hoạt động tiêu biểu được thể hiện qua những dữ liệu cụ thể như: Tạo công ăn việc làm cho địa phương, ổn định đời sống kinh tế cho người lao động; góp phần giữ gìn an ninh trật tự địa phương, ngăn ngừa tệ nạn xã hội; đóng góp ngân sách ngày càng lớn cho chính quyền địa phương; đóng góp tài chính cho các hoạt động nhân đạo của các đoàn thể, tổ chức thiện nguyện của địa phương và trung ương.



SHIL

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH,
QUẢN LÝ
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 - 2022

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cùng với tốc độ tăng trưởng mặt hàng tiêu dùng cao và xu hướng giảm thiểu đồ nhựa làm ô nhiễm môi trường, từ đó thúc đẩy nhu cầu giấy bao bì tăng cao. Trong 4 năm gần đây ngành bao bì có tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 15-20%/năm, giấy bao bì chiếm trên 80% tổng sản lượng giấy sản xuất. Tuy nhiên, việc sản xuất giấy trong nước (Testliner, giấy lớp sóng, Medium,...) dùng để sản xuất bao bì giấy trong nước mới chỉ mới đáp ứng được khoảng 80% nhu cầu nội địa; còn lại Việt Nam vẫn phải nhập khẩu mặt hàng giấy (Duplex, giấy trắng, giấy Kraft, Testliner,...) mà việc sản xuất trong nước còn hạn chế.

Trong năm, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến việc nhập khẩu hàng hóa bị trì trệ, cùng với giá giấy nguyên liệu tăng đã gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nhờ vào việc quản lý tốt hàng tồn kho và thực hiện tiết giảm các khoản chi phí đã giúp cho lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn đạt được mức tăng 3,57% so với năm 2019.

Từ bức tranh kinh tế trong và ngoài nước cùng với thực tiễn hoạt động của Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/ Giảm
Doanh thu thuần	1.703,56	1.687,38	-0,95%
Lợi nhuận thuần HĐKD	186,73	183,06	-1,96%
Lợi nhuận trước thuế	180,21	183,15	1,63%
Lợi nhuận sau thuế	141,25	146,30	3,57%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản của Công ty

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Tiêu chí	2019	2020	% Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	576,23	738,40	28,14%
2	Tài sản dài hạn	328,27	350,65	6,82%
3	Tổng tài sản	904,50	1.089,05	20,40%

Nhìn chung, tổng tài sản của Công ty năm 2020 đạt 1.089,05 tỷ đồng, tương đương tăng 20,4% so với năm 2019, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 67,8% tổng tài sản.

Cụ thể, tài sản ngắn hạn năm 2020 của Công ty tăng 162,17 tỷ đồng, tương đương tăng 28,14% so với năm 2019. Trong năm, khoản mục đáng kể nhất khiến cho tài sản ngắn hạn tăng sau giai đoạn giảm liên tục từ năm 2018-2019 là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, trong đó chủ yếu là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng với tỷ lệ tăng vượt bậc 584,09% so với năm 2019.

Bên cạnh đó, các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty tăng 74,08 tỷ đồng, tương đương tăng 22,02% so với cùng kỳ, nguyên nhân các khoản phải thu ngắn hạn tăng đến từ việc trong năm Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng với các khách hàng và tăng khoản phải thu ngắn hạn khác.

Tài sản dài hạn tăng 22,38 tỷ đồng, tương đương tăng 6,82% so với năm 2019, trong đó lượng tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản dài hạn. Năm 2020, tài sản cố định tăng 19,44 tỷ đồng do trong năm Công ty đầu tư vào các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.



Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Tiêu chí	2019	2020	% Tăng/ Giảm
1	Tài sản ngắn hạn	576,23	738,40	28,14%
2	Tài sản dài hạn	328,27	350,65	6,82%
3	Tổng tài sản	904,50	1.089,05	20,40%

Nhìn chung, tổng tài sản của Công ty năm 2020 đạt 1.089,05 tỷ đồng, tương đương tăng 20,4% so với năm 2019, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 67,8% tổng tài sản.

Cụ thể, nợ ngắn hạn năm 2020 của Công ty tăng 116,02 tỷ đồng, tương đương tăng 31,05% so với năm 2019, nguyên nhân chủ yếu do khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty tăng 82,67 tỷ đồng, tương đương tăng 92,13% so với cùng kỳ. Trong năm, Công ty vay nợ ngắn hạn chủ yếu để bổ sung vốn lưu động và đảm bảo nguồn cung đáp ứng kịp thời cho khách hàng.

Mặt khác, nợ dài hạn của Công ty giảm 51,66% so với năm 2019, do trong năm Công ty đã giảm khoản vay dài hạn từ 59,53 tỷ đồng còn 23,02 tỷ đồng (năm 2020), tương đương giảm 61,32% so với năm 2019.

Cải tiến công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động:

Công ty luôn duy trì các hoạt động nâng cao tay nghề, chuyên môn phù hợp với từng vị trí công việc cho CBCNV. Bên cạnh đó, Công ty cũng mời các chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm nhằm đào tạo chuyên ngành quản lý, kỹ thuật, sản xuất cho CB-CNV.

Ngoài ra, công tác tuyển dụng các nguồn nhân lực mới vẫn được duy trì nhằm đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu lao động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cùng với việc giản đơn các công đoạn sản xuất, Công ty tuyển dụng theo hình thức việc làm thời vụ nhằm tiết giảm chi phí.

Công tác quản lý chất lượng

- Công ty cam kết thực hiện và duy trì hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 nhằm đảm bảo kiểm soát các yếu tố của các quá trình liên quan, đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng đủ yêu cầu của khách hàng.
- Bên cạnh đó, duy trì công tác đánh giá chất lượng nội bộ, kiểm tra giám sát tuân thủ hàng ngày, đảm bảo hiệu lực và hiệu quả trong Hệ thống chất lượng.
- Các phàn nàn, khiếu nại của khách hàng được Công ty giải quyết nhanh chóng và hiệu quả, đảm bảo sự hài lòng khi mua hàng của Công ty.
- Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc điều tra nguyên nhân gốc rễ khi có sự không phù hợp phát sinh, từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục – phòng ngừa hiệu quả, kịp thời.



Duy trì và cải tiến tổ chức nhân sự

Công ty luôn lấy việc đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn cho CBCNV làm trọng tâm, tiếp tục tái cấu trúc lại nguồn nhân lực trên tinh thần tinh gọn và có hiệu quả. Công ty duy trì và cải tiến nguồn nhân sự cụ thể như sau:

- Xây dựng mục tiêu và đánh giá KPI của bộ phận và cá nhân, tổ chức các hoạt động xây dựng tinh thần và khả năng giải quyết các tình huống thông qua năng lực làm việc đội nhóm.
- Tiếp tục rà soát hoàn chỉnh nội dung và danh mục các cấp tài liệu để quản lý thống nhất toàn Công ty, hướng dẫn giao việc và kiểm soát công việc và đặc biệt hoàn thành bộ tiêu chí năng lực cốt lõi của Công ty làm cơ sở cho các bộ phận, phân xưởng tiến hành xây dựng tiêu chí ASK cho từng nhân viên cấp dưới.
- Tiếp tục duy trì phân tích chuyên đề theo các lĩnh vực của từng bộ phận phụ trách như khiếu nại chăm sóc khách hàng, theo dõi diễn biến các định mức tiêu hao vật tư chính, phân tích đánh giá các tiêu hao bất thường. Tuy nhiên hiệu quả quản lý vẫn còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng cũng như chưa phát huy hết khả năng của từng người và từng công việc.

Chính sách tiêu thụ sản phẩm

Sản phẩm chính của Công ty vẫn là bao bì Carton và bao bì Offset với đa dạng chủng loại, kiểu dáng. Hiện Công ty có cơ cấu khách hàng khá đa dạng, có thể kể đến như Unilever VN, Nestle VN, Masan, Vinacafe Biên Hòa,... Công ty luôn đẩy mạnh công tác duy trì mối quan hệ nhằm gia tăng thị phần tại phân khúc khách hàng truyền thống, giữ vững thị phần. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tăng cường năng lực chuyên môn cho bộ phận bán hàng, đẩy mạnh tối đa công tác phát triển thị trường, tìm kiếm, tiếp cận, chăm sóc khách hàng mới. Khách hàng được tư vấn kỹ lưỡng từ khâu thiết kế (mẫu mã, màu sắc, nguyên liệu,...) đến khâu sản xuất và các vấn đề phát sinh sẽ được đội ngũ nhân viên chăm sóc khách hàng giải quyết nhanh chóng và kịp thời.

Với việc ký kết tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do như: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Anh (UKVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) trong năm 2020, dự kiến sẽ mang lại nhiều cơ hội cho ngành sản xuất của Việt Nam từ đó đã và đang thúc đẩy ngành giấy và bao bì của Việt Nam tăng mạnh.

Ngoài ra, xu thế dịch chuyển dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang diễn ra do ảnh hưởng từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và sự kiểm soát tốt dịch Covid-19, Việt Nam là một trong những quốc gia được hưởng lợi từ sự dịch chuyển cung ứng. Việc thúc đẩy đầu tư công và giải ngân vốn cũng như các chính sách kích tiêu dùng nội địa của Chính phủ sẽ kéo theo tăng trưởng tiêu dùng giấy bao bì, giấy in,...

Với những nhận định về thị trường và tình hình kinh tế trong và ngoài nước, Ban lãnh đạo của Công ty đã lên kế hoạch và mục tiêu phát triển cho năm 2021. Cụ thể, mục tiêu cần đạt được của năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021
1	Sản lượng	Tấn	90.755
2	Bao bì carton	Tấn	79.698
3	Bao bì offset	Tấn	11.057
4	Doanh thu	Tỷ đồng	1,810
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	140
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	113

Các giải pháp thực hiện:

Tiếp tục chiến lược đầu tư đổi mới và nâng cấp thiết bị hiện có để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo cung cấp sản phẩm đến khách hàng đúng tiến độ, số lượng và chất lượng theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ (kể cả dự phòng) các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất. Đặc biệt chú trọng trong công tác quản lý hàng tồn kho, dự báo nhu cầu, tốc độ tăng trưởng đơn hàng không để xảy ra tình trạng thiếu nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm thông qua các giải pháp:

- Rà soát và cải tiến các quy trình kiểm soát chất lượng từ nguyên vật liệu, con người, thiết bị, phương pháp trên cơ sở hành động phải cụ thể rõ ràng; cần thiết và khả thi.
- Đảm bảo tất cả người lao động am hiểu công việc của mình được phân công, làm được và tuân thủ thực hiện.
- Các kết quả chất lượng phải được đo lường, được ghi nhận và phân tích để cải tiến.
- Tuân thủ điều tra nguyên nhân theo 3M (hiện trường, hiện trạng, hiện vật) & hành động khắc phục phòng ngừa. Duy trì hoạt động đánh giá chất lượng nội bộ.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng, phát triển thị trường và khách hàng thông qua việc tổ chức hoạt động marketing độc lập để nghiên cứu thị trường, khách hàng. Củng cố lại đội ngũ bán hàng, nâng cao kỹ năng bán hàng, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, tiếng Hoa.

Tiếp tục rà soát và điều chỉnh chính sách giá, chính sách sản phẩm, chính sách khách hàng thông qua giá cả hợp lý và cạnh tranh nhất so với đối thủ trên thị trường v.v... thông qua các chương trình kiểm soát và tiết giảm chi phí từ định mức nhân viên; giá mua trên thị trường; tăng năng suất lao động; giảm thời gian chết của MMTB,...nhằm đáp ứng một cách kịp thời, linh hoạt và tăng sức cạnh tranh của công ty.

- Tiếp tục triển khai thường xuyên công tác huấn luyện và đào tạo các kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm cho các cấp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc cho từng thành viên. Chủ động và mở rộng công tác đào tạo nội bộ thường xuyên về các kỹ năng làm việc, kỹ năng sản xuất cho từng công nhân sản xuất nhằm tối ưu hóa các quy trình sản xuất thông qua việc vận hành theo đúng quy trình, quy định, từ đó hạn chế các sai lỗi trong quá trình sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm, giảm chi phí.
- Tập trung hoàn tất việc triển khai các giải pháp ứng dụng phần mềm trong công tác quản trị sản xuất và điều hành nhằm tối ưu hóa từng vị trí và quy trình làm việc, gia tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	2022
Bao bì giấy (Carton, Offset)	Tấn	90.755	108.900
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,810	2.250.000
LN trước thuế TNDN	Tỷ đồng	140	185.000
Cổ tức	%	20%	15%

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không





SVI

4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2020

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2020

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 thuộc nhóm tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới. Tuy mức tăng GDP 2,91% trong năm là mức thấp nhất của thập kỷ 2011-2020 nhưng đây là một thành công lớn trong bối cảnh dịch Covid-19 ảnh hưởng rất nhiều tới nền kinh tế hiện nay. Mức tăng GDP chung toàn nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5% vào tốc độ tăng trưởng GDP.

Tiêu dùng, giấy bao bì năm 2020 ước tính đạt sản lượng 4,2 triệu tấn, tăng trưởng 0,9% so với cùng kỳ năm 2019, mặc dù tốc độ tăng trưởng tiêu thụ thấp hơn kỳ năm 2019 mặc dù tốc độ tăng trưởng tiêu thụ ở mức thấp nhưng so với mức tăng trưởng chung của thế giới giảm 5% thì đây vẫn là con số rất ấn tượng. Về xuất khẩu, năm 2020 đạt sản lượng 1,5 triệu tấn và tăng trưởng 95,3%, so với năm 2019 đây là mức tăng trưởng xuất khẩu lớn nhất trong lịch sử của ngành, xuất khẩu chủ yếu là giấy lớp mặt và giấy lớp sớ.

Đánh giá chỉ tiêu kết quả kinh doanh

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/ Giảm
Doanh thu thuần	1.703,56	1.687,38	-0,95%
Lợi nhuận gộp	299,04	292,48	-2,19%
Lợi nhuận thuần HĐKD	186,73	183,06	-1,96%
Lợi nhuận trước thuế	180,21	183,15	1,63%
Lợi nhuận sau thuế	141,25	146,30	3,57%

Thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam là các quốc gia như: Trung Quốc chiếm 70,5%, các quốc gia Đông Nam Á 18,3%, Châu Á khác 7,0%, Đông Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan) 3%, Châu Phi 0,5%, Bắc Mỹ và Châu Âu 0,8%.

Việc đánh giá nhu cầu tiềm năng của thị trường trong tương lai là điều cần thiết, đặc biệt là qua tác động của Covid-19 đến sự lựa chọn bao bì của người tiêu dùng như: Yêu cầu vệ sinh, an toàn, thương mại điện tử, những lo ngại về ô nhiễm môi trường,... bởi đây là một trong những yếu tố chủ chốt giúp doanh nghiệp vượt qua cuộc khủng hoảng, định vị thương hiệu trên thị trường.

Với những khó khăn và thuận lợi trong năm qua, đội ngũ CBCNV đã làm việc rất năng suất, đoàn kết, luôn nỗ lực trong sản xuất kinh doanh để đạt được kế hoạch đề ra cũng như đáp ứng một cách tốt nhất đơn hàng của khách hàng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Năm 2020, Công ty vừa phải đối mặt với khó khăn chung của thị trường trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi Covid-19 và các đối thủ cạnh tranh, vừa phải đáp ứng đủ các yêu cầu khắt khe về chất lượng cũng như số lượng sản phẩm để phục vụ kịp thời cho nhu cầu của khách hàng. Vì vậy, Hội đồng quản trị đánh giá cao những cống hiến của Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý điều hành với tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực vượt qua giai đoạn khó khăn. Cụ thể, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các nội dung công việc sau:

- Đảm bảo đạt được các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Thường xuyên, liên tục kiểm tra các hoạt động về công tác tài chính, kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ tại các chi nhánh.
- Xây dựng các kế hoạch, đánh giá, kiểm soát chi phí, qua đó kịp thời đưa ra các giải pháp giữ vững và nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.
- Trực tiếp chỉ đạo, giám sát, định hướng SXKD tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa.
- Đảm bảo nguồn vốn hoạt động và hiệu quả chung của Công ty trong năm 2020.
- Định kỳ báo cáo với Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, đề xuất các giải pháp liên quan để Hội đồng quản trị vừa nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty vừa có căn cứ chính xác và thực tế để đưa ra quyết sách hợp lý, phù hợp với chiến lược dài hạn mà Công ty đã đề ra trước đó.
- Tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cũng như các quyết định mà Hội đồng quản trị đã ban hành trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin. Tuân thủ đầy đủ các quy định về báo cáo định kỳ hoặc bất thường.

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới biến động do những bất ổn về chính trị và có tác động nhất định đến kinh tế Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc vẫn hoàn thành tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình trong công tác quản lý nội bộ và chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, nền kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng ở mức 6,5% - 7,1%, cùng với nhiều rủi ro và thách thức vẫn còn tồn tại. Bên cạnh những thuận lợi như môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, dòng vốn đầu tư quốc tế tiếp tục đến Việt Nam,...., thì đại dịch COVID-19 toàn cầu vẫn đang là thách thức lớn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Việc dịch bệnh lây nhiễm hiện nay ở hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ đang ảnh hưởng không nhỏ đến chuỗi cung ứng toàn cầu và quá trình lưu thông hàng hóa trên phạm vi toàn thế giới.

Thêm vào đó, chúng ta vẫn còn nhiều hạn chế về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp; sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; giá nguyên liệu đầu vào nhiều biến động và khó dự đoán; thị trường bao bì ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

Với bối cảnh trên, cộng với khả năng và nguồn lực hiện tại của mình, HĐQT Công ty đề xuất các chỉ tiêu chủ yếu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Sản lượng (Bao bì Carton & Offset)	Tấn	90.755
2	Doanh thu	Triệu đồng	1.810.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	140.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	113.000





SOVI

5 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THỦ LẠO, LƯƠNG, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH
CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
1	Ông Trịnh Thanh Cần	Chủ tịch HĐQT	15/01/2019	09/12/2020	0	0%
2	Ông Trần Trang Bình	Phó Chủ tịch HĐQT	20/04/2018	09/12/2020	0	0%
3	Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên (độc lập) HĐQT	15/01/2019	09/12/2020	0	0%
4	Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên (độc lập) HĐQT	15/01/2019	19/04/2023	0	0%
5	Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT	20/04/2018	09/12/2020	0	0%
6	Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên HĐQT	15/01/2019	09/12/2020	0	0%
7	Ông Hoàng Hiếu Tri	Thành viên (độc lập) HĐQT	20/04/2018	09/12/2020	20	0,00016%
8	Ông Suchai Korprasertsri	Chủ tịch HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
9	Ông Tawatchai Jungsomsri	Phó Chủ tịch HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
10	Ông Hirofumi Hori	Thành viên HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
11	Ông Toshinobu Sada	Thành viên HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
12	Ông Sompob Witworrasakul	Thành viên HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
13	Ông Ekarach Sinnarong	Thành viên HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
14	Ông Đinh Quang Hùng	Thành viên (độc lập) HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
15	Bà Saranya Skontanarak	Thành viên (độc lập) HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trịnh Thanh Cần	30/30	100%	Miễn nhiệm
2	Ông Trần Trang Bình	30/30	100%	Miễn nhiệm
3	Ông Vũ Đức Tiến	30/30	100%	Miễn nhiệm
4	Ông Nguyễn Quý Thịnh	31/31	100%	
5	Ông Đặng Ngọc Diệp	30/30	100%	Miễn nhiệm
6	Ông Nguyễn Đức Minh	30/30	100%	Miễn nhiệm
7	Ông Hoàng Hiếu Tri	30/30	100%	Miễn nhiệm
8	Ông Suchai Korprasertsri	01/01	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ
9	Ông Tawatchai Jungsomsri	01/01	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ
10	Ông Hirofumi Hori	01/01	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ
11	Ông Toshinobu Sada	01/01	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ
12	Ông Sompob Witworrasakul	01/01	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ
13	Ông Ekarach Sinnarong	01/01	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ
14	Ông Đinh Quang Hùng	01/01	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ
15	Bà Saranya Skontanarak	01/01	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

- Đánh giá tình hình thực hiện SXKD và kết quả kinh doanh năm 2019. Phân tích nguyên nhân từ đó định hướng hoạt động SXKD năm 2020.
- Chỉ đạo điều hành, phân bổ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình SXKD – Tài chính theo kế hoạch đã phê duyệt.
- Chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2020.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường (16/04/2020), Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (09/06/2020) và Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2/2020 (09/12/2020).
- Ủy quyền vốn vay, hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered, Ngân hàng TNHH CTBC, Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (Vietcombank) – CN Đồng Nai, Ngân hàng TMCP Công thương VN (Vietinbank) – CN KCN Biên Hòa, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN – CN Biên Hòa và Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank VN (UOB) nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động và hiệu quả chung của Công ty trong năm 2020.
- Giám sát việc thực hiện đầu tư, kinh doanh theo phương hướng kế hoạch SXKD năm 2020 đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 thông qua ngày 09/06/2020.
- Chỉ đạo, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Ủy Ban Nhân sự và lương thưởng.

- Soát xét hệ thống lương thưởng, quỹ lương năm 2020 của Công ty phù hợp với thực tế.
- Quy định, phê duyệt và xử lý các vấn đề phát sinh về nhân sự trong quá trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, điều chuyển công tác.
- Giám sát Ban điều hành, các cấp quản lý.
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

Ủy Ban Quản lý Rủi ro.

- Kiểm soát quy trình/ quy định trong việc quản lý chi phí, đầu tư, mua sắm (chi phí hoạt động, nguyên phụ liệu, vật tư phụ tùng, máy móc thiết bị, tài sản khác,...)
- Kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn, tài sản tại Công ty.
- Phương án xử lý những tài sản không hiệu quả, tồn kho lâu ngày.
- Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT.2020	02/01/2020	Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT được quyền phê chuẩn các nội dung liên quan đến hoạt động đầu tư giới hạn trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2	01A/NQ-HĐQT.2020	04/01/2020	HĐQT thông qua nội dung sau đây: <ul style="list-style-type: none"> Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT phê duyệt thành lập Hội đồng thanh lý tài sản. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký các Nghị quyết, hợp đồng hoặc các văn bản có liên quan đến việc chỉ đạo, thực hiện việc thanh lý tài sản của Công ty theo hạn mức phê duyệt của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Chủ tịch HĐQT được ủy quyền và phân công cho các chức danh quản lý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình để thực hiện các nội dung nói trên.
3	01B/NQ-HĐQT.2020	08/02/2020	Thông qua việc thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để biểu quyết thông qua các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty. Tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty lên 100%. Sửa đổi Điều lệ của Công ty. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT triển khai, thực hiện các công việc liên quan. Thực hiện chốt danh sách cổ đông với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TPHCM để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký các Nghị quyết tương ứng và các văn bản để thực hiện các nội dung nói trên.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
4	02/NQ-HĐQT.2019	20/02/2020	HĐQT nhất trí hủy bỏ Nghị Quyết của HĐQT số 01B/NQ-HĐQT.2020 ngày 08/02/2020.
5	03/NQ-HĐQT.2019	21/02/2020	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua thay đổi thành viên nhân sự của Ủy ban Nhân sự và lương thưởng trực thuộc HĐQT (Ông Phạm Hồng Đức thay thế Ông Nguyễn Quý Thịnh). Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2020 để biểu quyết thông qua các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty. Tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty lên 100%. Sửa đổi Điều lệ của Công ty. Thông qua Đơn từ chức và miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT Công ty của Ông Nguyễn Đức Minh. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT triển khai, thực hiện các công việc liên quan. Thực hiện chốt danh sách cổ đông với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TPHCM để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2020. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký các Nghị Quyết tương ứng và các văn bản để thực hiện các nội dung nói trên.
6	04/NQ-HĐQT.2020	24/02/2020	<ul style="list-style-type: none"> Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT triển khai, thực hiện các công việc liên quan. Thực hiện chốt danh sách cổ đông với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TPHCM để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2020. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký các Nghị Quyết tương ứng và các văn bản để thực hiện các nội dung nói trên.
7	05/NQ-HĐQT.2020	04/03/2020	Thông qua Đơn yêu cầu v/v rút đơn xin từ nhiệm tư cách thành viên HĐQT Công ty vào ngày 24/02/2020 của Ông Nguyễn Đức Minh. Bác bỏ Đơn xin từ nhiệm tư cách thành viên HĐQT vào ngày 24/02/2020 của Ông Nguyễn Đức Minh và HĐQT không thực hiện trình ĐHĐCĐ bất thường về nội dung này.
8	06/NQ-HĐQT.2020	05/03/2020	Thực hiện Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 481328410 do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 02/08/2017 cho dự án Nhà máy sản xuất bao bì Long Thành tại KCN Lộc An - Bình Sơn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
9	07/NQ-HĐQT.2020	05/03/2020	Thực hiện Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư số 46211000796 do Ban quản lý các KCN Bình Dương cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 22/05/2014 cho dự án Nhà máy sản xuất bao bì carton tại địa chỉ Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
10	08/BB-HĐQT.2020	06/03/2020	Ủy quyền vay vốn, gia hạn hạn mức tín dụng tại Ngân Hàng TNHH CTBC, chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
11	08/NQ-HĐQT.2020	06/04/2020	HĐQT chấp hành ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống COVID-19. Vì vậy, HĐQT thông qua việc dời ngày tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2020.
12	09/NQ-HĐQT.2020	07/04/2020	<p>Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2020 để biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty. Tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty lên 100%. Sửa đổi Điều lệ của Công ty. <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT triển khai, thực hiện các công việc liên quan.</p> <p>Thực hiện chốt danh sách cổ đông với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TPHCM để tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2020.</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký các Nghị Quyết tương ứng và các văn bản để thực hiện các nội dung nói trên.</p>
13	10/NQ-HĐQT.2020	07/04/2020	<p>Thông qua nội dung trình ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2020 để biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ban hành mới Quy chế quản trị và thay thế Quy chế quản trị Công ty. Ban hành mới Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty. <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký các Nghị Quyết tương ứng và các văn bản để thực hiện các nội dung nói trên.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
14	11/NQ-HĐQT.2020	07/04/2020	<p>Thông qua nội dung trình ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2020 để biểu quyết thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trong vòng 12 tháng kể từ ngày Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2020 có hiệu lực, nhà đầu tư Thai Containers Group Company Limited và/hoặc bất kỳ công ty con và/hoặc công ty liên kết của nhà đầu tư Thai Containers Group Company Limited được quyền nhận chuyển nhượng cổ phần có quyền biểu quyết trong một lần hoặc nhiều lần dẫn đến việc sở hữu từ hai mươi lăm phần trăm (25%) trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa và đến mức tối đa mà nhà đầu tư nước ngoài được phép sở hữu theo quy định của pháp luật, Điều lệ hiện hành mà không phải thực hiện việc chào mua công khai tại các thời điểm nhận chuyển nhượng. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT triển khai, thực hiện các công việc nêu trên mà có liên quan đến Công ty.
15	12/NQ-HĐQT.2020	16/04/2020	Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 để biểu quyết thông qua.
16	13/NQ-HĐQT.2020	16/05/2020	Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 vào ngày 09/06/2020.
17	15/BB-HĐQT.2020	16/05/2020	Ủy quyền vay vốn, hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
18	14/NQ-HĐQT.2020	10/06/2020	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2020 (PwC).
19	15/NQ-HĐQT.2020	11/06/2020	Thông qua việc chi thù lao và ngân sách hoạt động cho các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2019
20	16/NQ-HĐQT.2020	12/06/2020	<p>Thông qua việc tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty lên 100%.</p> <p>Thông qua hồ sơ nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài để nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>
21	17/NQ-HĐQT.2020	25/06/2020	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019 theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
22	18/NQ-HĐQT.2020	01/07/2020	Ủy quyền vốn vay, hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN (Vietcombank) - Chi Nhánh Đồng Nai.
23	21/BB-HĐQT.2020	18/08/2020	Ủy quyền vốn vay, hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương VN (Vietinbank) - Chi Nhánh KCN Biên Hòa.
24	22/BB-HĐQT.2020	31/08/2020	Ủy quyền vốn vay, hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN - CN Biên Hòa.
25	19/NQ-HĐQT.2020	03/11/2020	HĐQT thông qua tổ chức ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2020. Thông qua việc trình ĐHĐCĐ bất thường lần 2 năm 2020 biểu quyết các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> • Thông qua việc chỉnh sửa Điều 2.4 trong Điều lệ ngày 09/06/2020 của Công ty. • Thông qua việc từ nhiệm của các thành viên HDQT và Chủ tịch HĐQT. • Thông qua việc từ nhiệm của các thành viên Ban kiểm soát.
26	20/NQ-HĐQT.2020	27/11/2020	<ul style="list-style-type: none"> • Thông qua việc thay đổi tên người đại diện theo pháp luật của Công ty, cập nhật thay đổi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty. • Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023; thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023; bổ nhiệm Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2020 - 2023. • Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT triển khai, thực hiện các công việc liên quan, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền lại (nếu có).

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
27	21/NQ-HĐQT.2020	03/12/2020	HĐQT thông qua việc trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2020 để biểu quyết các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> • Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023. • Thông qua việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023. • Thông qua việc bổ nhiệm Ông Ekarach Sinnarong là Tổng Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty nhiệm kỳ từ năm 2020 đến 2023. • Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT triển khai, thực hiện các công việc liên quan, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền lại (nếu có).
28	22/NQ-HĐQT.2020	09/12/2020	HĐQT thống nhất về việc thay đổi chữ ký tại các ngân hàng.
29	23/NQ-HĐQT.2020	09/12/2020	HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Đặng Ngọc Diệp.
30	28/BB-HĐQT.2020	09/12/2020	HĐQT thông qua việc vay vốn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank VN .
31	24/NQ-HĐQT.2020	29/12/2020	HĐQT nhất trí thông qua việc tiếp tục duy trì các giao dịch thương mại, ký kết các hợp đồng kinh tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (SOVI) và các đơn vị là các bên liên quan từ ngày 09/12/2020.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Đỗ Thị Ngọc Hạnh	Trưởng BKS	15/01/2019	09/12/2020
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc	TV BKS	15/01/2019	09/12/2020
3	Bà Nguyễn Phương Thảo	TV BKS	10/05/2019	09/12/2020
4	Ông Krasame Singhakul	Trưởng BKS	09/12/2020	19/04/2023
5	Ông Wattana Intachoom	TV BKS	09/12/2020	19/04/2023
6	Bà Phạm Ngọc Bảo Trâm	TV BKS	09/12/2020	19/04/2023

Cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đỗ Thị Ngọc Hạnh	4/4	100%	Miễn nhiệm
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc	4/4	100%	Miễn nhiệm
3	Bà Nguyễn Phương Thảo	4/4	100%	Miễn nhiệm
4	Ông Krasame Singhakul	0		Bắt đầu nhiệm kỳ
5	Ông Wattana Intachoom	0		Bắt đầu nhiệm kỳ
6	Bà Phạm Ngọc Bảo Trâm	0		Bắt đầu nhiệm kỳ

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm Soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Ban Kiểm Soát đã thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty. Thực hiện việc đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị trong các kỳ họp định kỳ.

- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua. Xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành Công ty, thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công ty. Các biên bản, Nghị quyết của HĐQT được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ và công bố thông tin đúng thời hạn theo các nội dung đã thống nhất thông qua và được Ban điều hành triển khai thực hiện.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành. Cụ thể bao gồm:

- Kiểm tra, rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; kiểm tra các tờ trình của Giám đốc, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Góp ý kiến thiết thực, tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD chung của Công ty tại các cuộc họp HĐQT.

- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong thời gian qua.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban giám đốc theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động; nghị quyết của HĐQT đã ban hành.
- Các tài liệu trong các kỳ họp của HĐQT đều được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho Hội đồng quản trị. Nhờ đó, BKS có thể giám sát tốt các hoạt động của công ty, có ý kiến kịp thời đến công tác quản lý, điều hành của Công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, LƯƠNG, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, thù lao, lương, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát đã chi đạt 9.094.835.995 đồng.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	SSIAM SIF – VIETNAM ACTIVE VALUE PORTFOLIO	Người có liên quan của người nội bộ	650.000	5,07%	0	0%	Cơ cấu danh mục đầu tư
2	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)	Người có liên quan của người nội bộ	772.000	6,02%	0	0%	Cơ cấu danh mục đầu tư
3	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)	Người có liên quan của Người nội bộ	0	0%	250.000	1,948%	Cơ cấu danh mục đầu tư
4	Quỹ đầu tư lợi thế cạnh tranh bền vững SSI	Người có liên quan của Người nội bộ	0	0%	300.000	2,338%	Cơ cấu danh mục đầu tư
5	Quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt (BVIF)	Người có liên quan của Người nội bộ	2.490.040	19,4%	0	0%	Cơ cấu danh mục đầu tư
6	Trần Trang Bình	Người có liên quan của Người nội bộ	118.974	0,93%	0	0%	Lý do cá nhân
7	TCG Solutions Pte. Ltd.	Người có liên quan của Người nội bộ	0	0	12.076.587	94,11%	Giao dịch thông qua hệ thống chuyển quyền sở hữu của VSD

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Công ty không phát sinh Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong năm 2020, Công ty thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.



SVL

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 4703000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 14 tháng 8 năm 2003 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất thay đổi lần thứ 10 số 3600648493 cấp ngày 31 tháng 12 năm 2020.	
Hội đồng Quản trị	Ông Suchai Korprasertsri	Chủ tịch (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Trịnh Thanh Cần	Chủ tịch (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Tawatchai Jungsom Sri	Phó chủ tịch (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Trần Trang Bình	Phó chủ tịch (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Hirofumi Hori	Thành viên (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Toshinobu Sada	Thành viên (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Sompob Witworrasakul	Thành viên (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Ekarach Sinnarong	Thành viên (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Đinh Quang Hùng	Thành viên (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Bà Saranya Skontanarak	Thành viên (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Hoàng Hiếu Tri	Thành viên (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Đặng Ngọc Diệp	Tổng Giám đốc (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Trần Trang Bình	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Phạm Hồng Đức	Giám đốc Khối Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ban Kiểm soát	Ông Krasame Singhakul	Trưởng ban (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Bà Đỗ Thị Ngọc Hạnh	Trưởng ban (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Wattana Intachoom	Thành viên (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Bà Phạm Ngọc Bảo Trâm	Thành viên (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc	Thành viên (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)



Người đại diện theo pháp luật	Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc (Từ ngày 9 tháng 12 năm 2020)
	Ông Trịnh Thanh Cần	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Đến ngày 9 tháng 12 năm 2020)

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 42. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 25 tháng 3 năm 2021



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2020, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 25 tháng 3 năm 2021. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

MSDN

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 27 tháng 3 năm 2020.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo: HCM100286
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2021-006-1

306
CC
A

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		738.404.030.662	576.229.807.013
110	Tiền		32.816.314.983	83.963.765.745
111	Tiền	3	32.816.314.983	83.963.765.745
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		150.500.000.000	22.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	150.500.000.000	22.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		410.514.209.982	336.436.042.026
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	409.903.239.016	326.984.757.668
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	377.042.905	10.086.707.689
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	2.454.618.072	684.155.083
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(2.220.690.011)	(1.319.578.414)
140	Hàng tồn kho		142.359.920.376	132.560.628.563
141	Hàng tồn kho	9	142.359.920.376	132.560.628.563
150	Tài sản ngắn hạn khác		2.213.585.321	1.269.370.679
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	2.213.585.321	1.269.370.679
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		350.645.016.580	328.266.646.076
210	Khoản phải thu dài hạn		122.025.000	122.022.065
216	Phải thu dài hạn khác		122.025.000	122.022.065
220	Tài sản cố định		201.164.540.618	181.728.868.679
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	200.463.047.010	181.711.050.779
222	Nguyên giá		618.985.980.618	567.870.124.198
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(418.522.933.608)	(386.159.073.419)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	701.493.608	17.817.900
228	Nguyên giá		2.965.022.613	2.156.334.089
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.263.529.005)	(2.138.516.189)
240	Tài sản dở dang dài hạn		10.069.112.647	3.092.959.572
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	10.069.112.647	3.092.959.572
260	Tài sản dài hạn khác		139.289.338.315	143.322.795.760
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	137.429.496.181	141.854.738.995
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13	1.859.842.134	1.468.056.765
270	TỔNG TÀI SẢN		1.089.049.047.242	904.496.453.089

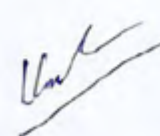
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA


Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		521.965.447.331	440.487.802.124
310	Nợ ngắn hạn		489.642.104.844	373.618.149.904
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	246.997.844.476	205.183.229.894
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		64.918.701	68.366.451
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	16.252.366.230	20.508.375.410
314	Phải trả người lao động	16	10.026.202.922	10.479.636.747
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	28.767.472.459	31.143.525.498
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	487.448.348	2.116.833.522
320	Vay ngắn hạn	19(a)	172.392.952.266	89.726.334.675
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	14.652.899.442	14.391.847.707
330	Nợ dài hạn		32.323.342.487	66.869.652.220
338	Vay dài hạn	19(b)	23.024.131.818	59.529.368.395
342	Dự phòng phải trả dài hạn	21	9.299.210.669	7.340.283.825
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		567.083.599.911	464.008.650.965
410	Vốn chủ sở hữu		567.083.599.911	464.008.650.965
411	Vốn góp của chủ sở hữu	22, 23	128.324.370.000	128.324.370.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		128.324.370.000	128.324.370.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	23	636.060.646	636.060.646
418	Quỹ đầu tư phát triển	23	153.593.356.183	124.334.305.513
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	23	284.529.813.082	210.713.914.806
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		210.713.914.806	114.664.975.736
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		73.815.898.276	96.048.939.070
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.089.049.047.242	904.496.453.089


 Lý Phát
 Người lập


 Phạm Hồng Đức
 Kế toán trưởng


 Ekarach Sinnarong
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
01	Doanh thu bán hàng	1.687.820.421.011	1.703.650.569.533
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(440.737.230)	(95.374.470)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	1.687.379.683.781	1.703.555.195.063
11	Giá vốn hàng bán	(1.394.903.371.021)	(1.404.516.167.998)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	292.476.312.760	299.039.027.065
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.452.346.613	36.704.946
22	Chi phí tài chính	(10.643.897.268)	(12.201.173.596)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(10.420.486.245)	(12.131.405.298)
25	Chi phí bán hàng	(74.239.330.551)	(73.805.196.509)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(29.981.774.200)	(26.342.915.324)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	183.063.657.354	186.726.446.582
31	Thu nhập khác	1.027.348.595	1.447.848.147
32	Chi phí khác	(942.065.608)	(7.962.832.510)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	85.282.987	(6.514.984.363)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	183.148.940.341	180.211.462.219
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(37.245.472.362)	(38.963.022.410)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	391.785.369	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	146.295.253.348	141.248.439.809
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.032	9.686
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.032	9.686

Lý Phát
Người lập

Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	183.148.940.341	180.211.462.219
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	40.290.805.047	36.893.133.450
03	Các khoản dự phòng	2.860.038.441	297.295.666
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	176.575.018	25.734.926
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(5.909.916.061)	(370.424.180)
06	Chi phí lãi vay	10.420.486.245	12.131.405.298
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	230.986.929.031	229.188.607.379
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(81.541.781.007)	34.155.946.353
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(9.799.291.813)	87.926.692.425
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	38.261.186.277	(67.104.853.262)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	3.874.647.332	(1.406.214.821)
14	Tiền lãi vay đã trả	(10.198.173.391)	(12.399.103.004)
15	Thuế TNDN đã nộp	(39.959.118.909)	(29.365.117.698)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(14.368.473.600)	(2.357.203.933)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	117.255.923.920	238.638.753.439
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(64.219.814.039)	(67.978.215.996)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	631.904.545	735.293.536
23	Tiền chi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(150.500.000.000)	(22.000.000.000)
24	Tiền thu hồi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22.000.000.000	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi	3.302.016.995	23.609.345
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(188.785.892.499)	(89.219.313.115)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu đi vay	799.554.600.464	711.669.633.775
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(753.393.219.450)	(818.053.658.448)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	-	(180.870.648)
36	Tiền chi trả cổ tức	(25.664.874.000)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	20.496.507.014	(106.564.895.321)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(51.033.461.565)	42.854.545.003
60	Tiền đầu năm	83.963.765.745	41.131.339.908
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(113.989.197)	(22.119.166)
70	Tiền cuối năm	32.816.314.983	83.963.765.745

Lý Phát
Người lập

Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại tại nước CNXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đầu tiên số 4703000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 8 năm 2003 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất thay đổi lần thứ 10 số 3600648493 cấp ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 12 tháng 3 năm 2012, cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 3 năm 2012 với mã giao dịch là SVI.

Chủ sở hữu của Công ty bao gồm Công ty TCG Solutions Pte. Ltd và các cổ đông khác. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 22(b).

Hoạt động chính của công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc có chi tiết như sau:

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hoà	Lô B-6A-CN Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Chi nhánh được thành lập thành lập tại nước CNXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh đầu tiên số 3600648493-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 1 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh thay đổi gần nhất số 3600648493-001 ngày 13 tháng 5 năm 2020.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 830 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 768 nhân viên).

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu) và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

HỒ BÌ BIÊN HÒA

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)**

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
TSCĐ khác	4 năm
Nhãn hiệu hàng hoá	3 năm
Phần mềm	3 - 5 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Ngoài ra, tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 cũng được ghi nhận là chi phí trả trước theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay ngắn hạn và dài hạn bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.14 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.17 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm kế toán mà cổ tức phải trả được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông và Công ty chốt được danh sách các cổ đông nhận cổ tức theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ cho việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

48
NG
P
BAC
IEM
NH

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.19 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với “bản chất hơn hình thức” và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm và hàng hóa.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.21 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

3-C
Y
N
B
H
H
-T.Đ

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.22 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.26 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.28 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 11);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 8);
- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 13); và
- Dự phòng phải trả dài hạn (Thuyết minh 21).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

3 TIỀN

	2020 VND	2019 VND
Tiền mặt	174.195.546	72.011.847
Tiền gửi ngân hàng	32.642.119.437	83.891.753.898
	<u>32.816.314.983</u>	<u>83.963.765.745</u>

4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	150.500.000.000	150.500.000.000	-	-
Ủy thác đầu tư (**)	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000
	<u>150.500.000.000</u>	<u>150.500.000.000</u>	<u>22.000.000.000</u>	<u>22.000.000.000</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6% đến 7,4%/năm.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản ủy thác đầu tư thể hiện khoản đầu tư mà Công ty đã ủy thác cho một bên không liên quan là Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc để thực hiện các hoạt động đầu tư và kinh doanh hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ theo hợp đồng Ủy thác số 022019/HĐUTĐT ngày 27 tháng 9 năm 2019 có hiệu lực đến ngày 30 tháng 9 năm 2020. Theo đó, lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ do hai bên thoả thuận theo từng thời kỳ và bên nhận ủy thác, Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc chịu hoàn toàn các khoản lỗ phát sinh từ hoạt động đầu tư ủy thác này. Trong năm 2020, Công ty đã thu hồi khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	50,073,267,564	43,537,420,477
Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	34,848,634,772	28,101,085,786
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	28,976,937,233	40,434,756,988
Khác	296,004,399,447	214,911,494,417
	<u>409,903,239,016</u>	<u>326,984,757,668</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó có khả năng thu hồi lần lượt là 4.262.387.853 Đồng và 1.388.216.330 Đồng như trình bày tại Thuyết minh 8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng giá trị khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là 325,95 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 381,1 tỷ Đồng) (Thuyết minh 19(a)).

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba		
Yangzhou Weipong Machinery Co., Ltd.	-	1.131.975.000
Jiangmen Honglin Trading Co., Ltd	-	710.532.000
Công ty TNHH Thiết bị Chế bản Điện tử Tân Long	-	5.832.000.000
Khác	377.042.905	2.412.200.689
	<u>377.042.905</u>	<u>10.086.707.689</u>

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2020 VND	2019 VND
Tạm ứng cho nhân viên	132.000.000	135.000.000
Lãi tiền gửi	1.975.994.521	-
Đặt cọc	77.200.000	545.096.250
Khác	269.423.551	4.058.833
	<u>2.454.618.072</u>	<u>684.155.083</u>

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2020				2019			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Khoản phải thu khó có khả năng thu hồi								
Công ty TNHH Nông nghiệp Red Sun	1,009,642,440	-	1,009,642,440	Trên 3 năm	1,009,642,440	-	1,009,642,440	Từ 2 đ 3 năm
Ana Water and Smiler Beverage Co., Ltd.	181,088,470	-	181,088,470	Trên 3 năm	181,954,169	26,877,278	155,076,891	Từ 2 đ 3 năm
Công ty TNHH MTV Giai Mỹ	2,724,731,932	1,907,312,352	817,419,580	Từ 3 đến 12 tháng	-	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Nước Giải khát Mercury	115,463,400	-	115,463,400	Trên 3 năm	115,463,400	-	115,463,400	Trên 3
Khác	231,461,611	134,385,490	97,076,121	Từ 6 tháng đến 3 năm	81,156,321	41,760,638	39,395,683	Trên 6
	<u>4,262,367,853</u>	<u>2,041,697,842</u>	<u>2,220,690,011</u>		<u>1,388,216,330</u>	<u>68,637,916</u>	<u>1,319,578,414</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 - DN

9 HÀNG TỒN KHO

	2020		2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.260.909.308	-	4.684.130.280	-
Nguyên liệu, vật liệu	125.006.734.883	-	109.035.841.810	-
Công cụ, dụng cụ	244.744.039	-	211.854.333	-
Chi phí SXKD dở dang	4.075.595.547	-	5.137.568.678	-
Thành phẩm	10.156.764.225	-	13.491.233.462	-
Hàng gửi bán	615.172.374	-	-	-
	<u>142.359.920.376</u>	<u>-</u>	<u>132.560.628.563</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, hàng tồn kho của Công ty với tổng giá trị là 132 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 69,3 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh 19(a)).

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2020 VND	2019 VND
Công cụ, dụng cụ	1.222.608.689	-
Chi phí bảo hiểm tài sản	379.894.126	424.230.985
Chi phí bảo trì, sửa chữa	172.552.335	414.447.577
Khác	438.530.171	430.692.117
	<u>2.213.585.321</u>	<u>1.269.370.679</u>

(b) Dài hạn

	2020 VND	2019 VND
Tiền thuê đất (*)	133.154.237.755	136.640.199.427
Chi phí bảo trì, sửa chữa	1.889.220.044	4.331.488.375
Công cụ, dụng cụ	1.542.848.492	499.401.193
Khác	843.189.890	383.650.000
	<u>137.429.496.181</u>	<u>141.854.738.995</u>

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	141.854.738.995	97.879.795.498
Tăng	2.853.421.001	53.530.347.251
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 12)	393.619.160	-
Phân bổ trong năm	(7.672.282.975)	(9.555.403.754)
Số dư cuối năm	137.429.496.181	141.854.738.995

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất và phí sử dụng hạ tầng đã trả tiền một lần tại Lô K3, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, có giá trị lần lượt là 13.285.000.000 Đồng và 86.725.000.000 Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai của Công ty. Trong năm 2020, Công ty đã tất toán các khoản vay này với Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai (Thuyết minh 19(b)).

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 – I

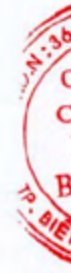
11	TSCĐ	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng V
(a)	TSCĐ hữu hình						
	Nguyên giá						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	134.871.867.559	407.259.242.001	16.283.120.514	8.981.718.306	474.175.818	567.870.124.1
	Mua trong năm	74.300.000	3.625.626.546	3.580.000.000	330.523.636	-	7.610.450.1
	Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 12)	5.329.414.131	44.249.503.589	-	1.728.420.560	-	51.307.338.2
	Thanh lý, nhượng bán	(62.122.506)	(7.504.187.656)	-	(235.621.880)	-	(7.801.932.1
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	140.213.459.184	447.630.184.480	19.863.120.514	10.805.040.622	474.175.818	618.985.980.1
	Giá trị khấu hao lũy kế						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	58.214.672.339	309.504.593.909	10.437.695.874	7.545.341.592	456.769.705	386.159.073.4
	Khấu hao trong năm	5.478.135.726	32.176.459.865	1.671.571.409	828.631.899	10.993.332	40.165.792.2
	Thanh lý, nhượng bán	(62.122.506)	(7.504.187.656)	-	(235.621.880)	-	(7.801.932.1
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	63.630.685.559	334.176.866.118	12.109.267.283	8.138.351.611	467.763.037	418.522.933.1
	Giá trị còn lại						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	76.657.195.220	97.754.648.092	5.845.424.640	1.436.376.714	17.406.113	181.711.050.7
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	76.582.773.625	113.453.318.362	7.753.853.231	2.666.689.011	6.412.781	200.463.047.1

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 263.070.212.502 Đồng (ngày tháng 12 năm 2019: 262.932.337.768 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, TSCĐ hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 79.454.578.741 Đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 138.802.585.143 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh 19).

11	TSCĐ (tiếp theo)	Nhãn hiệu hàng hoá VND	Phần mềm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
(b)	TSCĐ vô hình				
	Nguyên giá				
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	232.020.000	1.823.646.200	100.667.889	2.156.334.0
	Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	808.688.524	-	808.688.5
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	232.020.000	2.632.334.724	100.667.889	2.965.022.6
	Giá trị hao mòn lũy kế				
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	232.020.000	1.809.578.300	96.917.889	2.138.516.1
	Khấu hao trong năm	-	121.262.816	3.750.000	125.012.8
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	232.020.000	1.930.841.116	100.667.889	2.263.529.0
	Giá trị còn lại				
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	-	14.067.900	3.750.000	17.817.9
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	701.493.608	-	701.493.6

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.125.072.089 Đồng (ngày 31 tháng năm 2019: 2.088.072.089 Đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2020 VND	2019 VND
Máy móc thiết bị (*)	7.781.374.875	591.695.000
Dự án ERP	2.287.737.772	2.287.737.772
Khác	-	213.526.800
	<u>10.069.112.647</u>	<u>3.092.959.572</u>

Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	3.092.959.572	3.329.641.694
Tăng	59.485.799.039	32.801.307.792
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 11(b))	(808.688.524)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 10(b))	(393.619.160)	-
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(51.307.338.280)	(33.037.989.914)
Số dư cuối năm	<u>10.069.112.647</u>	<u>3.092.959.572</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, máy móc thiết bị đang lắp đặt dở dang có giá trị là 7.781.374.875 Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng dài hạn của Công ty (Thuyết minh 19(b)).

13 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

	2020 VND	2019 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	<u>1.859.842.134</u>	<u>1.468.056.765</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

13 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOẢN LẠI (tiếp theo)

Biến động về thuế TNDN hoãn lại, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	1.468.056.765	1.468.056.765
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 32)	391.785.369	-
Số dư cuối năm	1.859.842.134	1.468.056.765

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại

	2020 VND	2019 VND
Dự phòng tăng giá tiền thuê đất	1.468.056.765	1.468.056.765
Dự phòng trợ cấp thôi việc	391.785.369	-
	1.859.842.134	1.468.056.765

Công ty sử dụng thuế suất 20% để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	65.288.374.195	28.920.282.299
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	45.911.575.710	49.762.588.298
Công ty TNHH Giấy Lee & Man Việt Nam	17.930.564.025	19.346.180.350
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	39.452.165.530	19.191.205.690
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	15.891.044.200	7.584.152.620
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	11.907.336.870	14.154.228.021
Khác	50.616.783.946	66.224.592.616
	246.997.844.476	205.183.229.894

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

4-T
PH
O
H

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2020 VND	2019 VN
Thuế TNDN	11.635.308.810	14.348.955.357
Thuế GTGT	3.071.142.032	5.168.573.142
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN")	1.545.915.388	990.846.911
	16.252.366.230	20.508.375.410

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	Tại ng 31.12.20 VN
Thuế GTGT	5.168.573.142	222.376.281.881	(33.249.354.124)	(191.224.358.867)	3.071.142.0
Thuế TNDN	14.348.955.357	37.245.472.362	(39.959.118.909)	-	11.635.308.8
Thuế nhập khẩu	-	425.133.432	(425.133.432)	-	-
Thuế TNCN	990.846.911	6.035.002.682	(5.479.934.205)	-	1.545.915.3
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
	20.508.375.410	266.085.890.357	(79.117.540.670)	(191.224.358.867)	16.252.366.2

3493-C
TY
VN
DA
ÔNG NH

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư phải trả người lao động thể hiện khoản lương tháng 12 phải trả cho cán bộ công nhân viên.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2020 VND	2019 VND
Chi phí vận chuyển	4.976.843.201	3.719.816.093
Chi phí gia công	3.257.453.654	3.659.423.689
Chi phí thưởng	16.832.260.000	15.466.353.806
Lãi trả chậm và tiền phạt thuê đất	-	6.281.233.991
Chi phí lãi vay	620.025.104	397.712.250
Khác	3.080.890.500	1.618.985.669
	<u>28.767.472.459</u>	<u>31.143.525.498</u>

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2020 VND	2019 VND
Kinh phí công đoàn	123.567.236	111.242.406
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	324.146.182	1.704.968.796
Khác	39.734.930	300.622.320
	<u>487.448.348</u>	<u>2.116.833.522</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

19 CÁC KHOẢN VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2020 VND	Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2020 VND
Vay ngân hàng (*)	58.612.285.752	768.601.600.464	(675.815.448.265)	-	151.398.437.951
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	31.114.048.923	-	(31.114.048.923)	20.994.514.315	20.994.514.315
	<u>89.726.334.675</u>	<u>768.601.600.464</u>	<u>(706.929.497.188)</u>	<u>20.994.514.315</u>	<u>172.392.952.731</u>

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

Bên cho vay

	Số dư tại ngày 31.12.2020 VND	Số dư tại ngày 31.12.2019 VND
Ngân Hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	67.114.452.317	11.334.829.1
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	50.188.395.708	20.158.098.2
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hoà	15.022.709.946	1.902.833.1
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	9.873.457.550	25.216.525.2
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	9.199.422.430	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	-	58.612.285.7
	<u>151.398.437.951</u>	<u>58.612.285.7</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam nhằm tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 3,2%/năm đến 3,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 4,9%/năm đến 6%/năm) và sẽ đáo hạn trong tháng 1 và tháng 4 năm 2021. Các khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5), hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a)).

19 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn	Tại ngày 1.1.2020 VND	Tặng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tại ng 31.12.20 Vf
Vay ngân hàng (*)	13.786.068.395	30.953.000.000	(720.422.262)	(20.994.514.315)	23.024.131.8
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai (**)	45.743.300.000	-	(45.743.300.000)	-	-
	59.529.368.395	30.953.000.000	(46.463.722.262)	(20.994.514.315)	23.024.131.8

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

Số dư tại ngày	
31.12.2020 VND	31.12.20 Vf
18.571.800.000	13.786.068.3
4.452.331.818	45.743.300.0
23.024.131.818	59.529.368.3

Bên cho vay

Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh
 Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hoà
 Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam để mua sắm m
 móc thiết bị và đầu tư xây dựng nhà máy. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 5,8%/năm đến 7,9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 20
 từ 6,25%/năm đến 7,9%/năm) và sẽ đáo hạn trong năm 2023. Các khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị còn lại của TSCĐ hữu h
 (Thuyết minh 11(a)) và máy móc thiết bị lắp đặt dở dang (Thuyết minh 12).

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản vay dài hạn từ Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Đồng Nai thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt N
 với thời hạn vay là 90 tháng kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2019. Các khoản vay này chịu lãi suất 7%/năm và đã được tất toán trong n
 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

20 QUỸ KHEN THƯỜNG PHÚC LỢI

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	14.391.847.707	2.624.207.659
Trích trong năm (Thuyết minh 23)	14.629.525.335	14.124.843.981
Sử dụng quỹ	(14.368.473.600)	(2.357.203.933)
Số dư cuối năm	14.652.899.442	14.391.847.707

21 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	2020 VND	2019 VND
Dự phòng tăng giá tiền thuê đất (*)	7.340.283.825	7.340.283.825
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.958.926.844	-
	9.299.210.669	7.340.283.825

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, khoản dự phòng tăng giá
 tiền thuê đất thể hiện khoản dự phòng chênh lệch tăng giá thuê đất tại Khu Công
 nghiệp Biên Hoà 1 do Công ty chưa thống nhất được đơn giá thuê với Tổng Công ty
 Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp.

22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	2020		2019	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	12.832.437	-	12.832.437	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.832.437	-	12.832.437	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.832.437	-	12.832.437	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2020		2019	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
TCG Solutions Pte. Ltd.	120.765.870.000	94,11	-	-
Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt ("BVIF")	-	-	24.900.400.000	19,40
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	-	-	7.720.000.000	6,02
Ssiam Sif Vietnam Active Value Portfolio	-	-	6.500.000.000	5,07
Các cổ đông khác	7.558.500.000	5,89	89.203.970.000	69,51
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	128.324.370.000	100	128.324.370.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	12.832.437	128.324.370.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	12.832.437	128.324.370.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	12.832.437	128.324.370.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	128.324.370.000	636.060.646	96.084.617.551	114.664.975.736	339.710.023.9
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	141.248.439.809	141.248.439.8
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	28.249.687.962	(28.249.687.962)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 20) (*)	-	-	-	(14.124.843.981)	(14.124.843.9
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	(2.824.968.796)	(2.824.968.7
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	128.324.370.000	636.060.646	124.334.305.513	210.713.914.806	464.008.650.9
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	146.295.253.348	146.295.253.3
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(25.664.874.000)	(25.664.874.0
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	29.259.050.670	(29.259.050.670)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 20) (**)	-	-	-	(14.629.525.335)	(14.629.525.3
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (**)	-	-	-	(2.925.905.067)	(2.925.905.0
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	284.529.813.082	567.083.599.9

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Trong năm 2019, Công ty đã tạm trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát lần lượt là 20%, 10% và 2% từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019 theo Điều lệ của Công ty số 23/SVI-2019 ngày 10 tháng 5 năm 2019. Số tạm trích này bằng đúng với số tiền trích lập các quỹ nói trên đã được phê chuẩn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/BB-ĐHCĐ/2020 ngày 9 tháng 6 năm 2020. Chi tiết như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển: 28.249.687.962 Đồng
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 14.124.843.981 Đồng
- Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: 2.824.968.796 Đồng

(**) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã tạm trích quỹ Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát với tỉ lệ lần lượt là 20%, 10% và 2% từ lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty số 42/SVI-2020 đã được sửa đổi ngày 16 tháng 4 năm 2020.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/BB-ĐHCĐ/2020 ngày 9 tháng 6 năm 2020, các cổ đông đã thông qua quyết định chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phần tương đương 25.644.874.000 Đồng. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ cổ tức cho các cổ đông vào ngày 24 tháng 7 năm 2020.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, khoản mục tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

	31.12.2020	31.12.2019
Đô la Mỹ ("USD")	81.718	131.772
Euro ("EUR")	276	287

(b) Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 92.078.551.436 Đồng và 73.504.803.526 Đồng tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 (Thuyết minh 35(a)).

25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và số trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2020	31.12.2019
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	146.295.253.348	141.248.439.809
Điều chỉnh giảm số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (Thuyết minh 23)	(14.629.525.335)	(14.124.843.981)
Điều chỉnh giảm thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (VND) (Thuyết minh 23)	(2.925.905.067)	(2.824.968.796)
	<u>128.739.822.946</u>	<u>124.298.627.032</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.832.437	12.832.437
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>10.032</u>	<u>9.686</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và số trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 - DN

26 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	1.630.463.997.662	1.651.226.539.584
Doanh thu khác	57.356.423.349	52.424.029.949
	<u>1.687.820.421.011</u>	<u>1.703.650.569.533</u>
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	(116.851.922)	(95.374.470)
Hàng bán bị trả lại	(323.885.308)	-
	<u>(440.737.230)</u>	<u>(95.374.470)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.630.023.260.432	1.651.131.165.114
Doanh thu thuần khác	57.356.423.349	52.424.029.949
	<u>1.687.379.683.781</u>	<u>1.703.555.195.063</u>

27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.344.212.555.676	1.360.642.265.647
Giá vốn khác	50.690.815.345	43.873.902.351
	<u>1.394.903.371.021</u>	<u>1.404.516.167.998</u>

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi	5.278.011.516	23.609.345
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	64.211.360	13.095.601
Khác	110.123.737	-
	<u>5.452.346.613</u>	<u>36.704.946</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 - DN

29 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền vay	10.420.486.245	12.131.405.298
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	46.836.005	44.033.372
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	176.575.018	25.734.926
	<u>10.643.897.268</u>	<u>12.201.173.596</u>

30 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Chi phí vận chuyển	54.586.056.827	44.668.291.766
Chi phí nhân viên	13.262.931.410	10.217.588.561
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	2.970.000.000	-
Chi phí hoa hồng	1.594.759.324	3.621.513.356
Chi phí chăm sóc khách hàng	1.200.000.000	14.818.987.799
Khác	625.582.990	478.815.027
	<u>74.239.330.551</u>	<u>73.805.196.509</u>

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	15.001.135.527	14.102.048.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.191.231.935	1.791.760.158
Chi phí thuê đất	2.653.706.844	2.645.738.303
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.046.485.917	1.190.804.400
Công cụ, dụng cụ	1.196.144.735	958.843.939
Dự phòng phải thu khó đòi	901.111.597	341.216.166
Chi phí khấu hao	737.034.266	484.793.500
Khác	4.254.923.379	4.827.709.924
	<u>29.981.774.200</u>	<u>26.342.915.324</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 - DN

32 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	183.148.940.341	180.211.462.219
Thuế tính ở thuế suất 20%	36.629.788.068	36.042.292.444
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	188.413.121	2.911.872.575
Khác	35.485.804	8.857.391
Chi phí thuế TNDN (*)	36.853.686.993	38.963.022.410
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	37.245.472.362	38.963.022.410
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 13)	(391.785.369)	-
	36.853.686.993	38.963.022.410

(*) Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.088.187.447.080	1.144.248.627.966
Chi phí nhân viên	175.734.052.024	151.604.734.012
Chi phí vận chuyển	54.586.056.827	44.668.291.766
Chi phí khấu hao TSCĐ	40.290.805.047	36.893.133.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.884.510.577	105.999.067.194
Dự phòng phải thu khó đòi	901.111.597	341.216.166
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.046.485.917	1.190.804.400
Khác	11.712.736.709	16.245.695.381
	1.495.343.205.778	1.501.191.570.335

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 - DN

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TCG Solutions Pte. Ltd do chiếm 94,11% vốn cổ phần của Công ty, một Công ty được thành lập ở Singapore. Công ty mẹ tối hậu là Tập đoàn SCG, một Công ty được thành lập ở Thái Lan.

Trong năm, nghiệp vụ chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	9.094.835.995	4.733.564.344

35 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê bất động sản hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2020 VND	2019 VND
Dưới 1 năm	3.244.233.384	2.370.890.310
Từ 1 đến 5 năm	10.465.346.871	8.502.561.240
Trên 5 năm	78.368.971.181	62.631.351.976
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	92.078.551.436	73.504.803.526

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2020 VND	2019 VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị TSCĐ vô hình	-	24.791.560.000
	-	498.229.200
	-	25.289.789.200

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động sản xuất bao bì từ giấy và bìa chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất bao bì từ giấy và bìa là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

37 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính năm nay. Chi tiết như sau:

Mã số	NGUỒN VỐN	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019		
		Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	Số liệu trình bày lại VND
314	Phải trả người lao động	25.945.990.553	(15.466.353.806)	10.479.636.747
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15.677.171.692	15.466.353.806	31.143.525.498

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 25 tháng 3 năm 2021.

Lý Phát
Người lập


Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
BIÊN HÒA, NGÀY 15 THÁNG 04 NĂM 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC


Ekarach Sinnarong

CHỦ TỊCH HĐQT


SUCHAI KORPRASERTSRI

